



**bantindunglac@gmail.com Số 13 – 01.03.2009**  
**Chủ đề : Công giáo hội nhập vào xã hội việt nam**

## **Nội dung:**

### **CHỦ ĐỀ : THÀNH LẬP CÁC CỘNG ĐOÀN CÔNG GIÁO ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM THỜI BẢO HỘ 1533-1659**

1. LỜI NGỎ
2. Hành Trình và Truyền Giáo / Alexandre De Rhodes / Bản dịch của Nguyễn Khắc Xuyên
3. LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI (1627-1646) / Alexandre De Rhodes / Bản dịch của Nguyễn Khắc Xuyên
4. GIÁO SĨ ĐẶC LỘ VÀ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM / Nguyễn Khắc Xuyên
5. HỘI NHẬP VĂN HÓA - CỬ HÀNH BÍ TÍCH Ở VIỆT NAM XƯA / Gs. Vũ Kim Chính, S.J

### **THƯỜNG XUYÊN : ĐỨC TIN & VĂN HÓA**

6. Hội nghị của Ủy ban Mục vụ Giới trẻ
7. Ủy ban Giáo lý Đức Tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam có Tổng Thư ký mới
8. Sinh hoạt của Ủy ban Giáo dân
9. Cùng bạn đọc BẢN TIN DỮNG LẠC / Trần Văn Cảnh

## **CÔNG GIÁO HỘI NHẬP VÀO XÃ HỘI VIỆT NAM**

### **LỜI NGỎ**

Kể từ tháng 12 năm 2008, Bản Tin Dũng Lạc đã mời bạn đọc hướng về một biến cố công giáo quan trọng bậc nhất ở đầu thế kỷ XXI này là việc Giáo hội Việt Nam tổ chức « Năm Thánh cùng Đại Hội Dân Chúa Việt Nam 2010 », và cùng với Giáo Hội « Nhìn lại quãng đường lịch sử gần 500 năm truyền giáo qua 3 thời kỳ: 126 năm Bảo Hộ (1533-1659), 300 năm Tông Toà (1659-1960), đặc biệt là 50 năm Chánh Toà (1960-2010) ».

- Bản tin Dũng Lạc, số 9 & 10, ngày 01.12.2008, đã trình bày tổng quát về « Năm Thánh cùng Đại Hội Dân Chúa Việt Nam 2010 ».
- Bản tin Dũng Lạc, số 11, ngày 01.01.2009, đã giới thiệu tổng quát về « Giáo hội Việt nam thời Bảo hộ 1533-1659 ».
- Bản tin Dũng Lạc, số 12, ngày 01.02.2009, đã đề cập đến khía cạnh thứ nhất của thời kỳ Bảo Hộ là việc « Thành lập các Cộng Đoàn Công giáo đầu tiên tại Việt Nam THỜI BẢO HỘ 1533-1659 ».

Trong số 13 này, Bản tin Dũng Lạc xin giới thiệu khía cạnh thứ hai của thời kỳ Bảo Hộ là việc « **Công Giáo hội nhập vào xã hội Việt Nam** ». Việc hội nhập của một tôn giáo to lớn và quan trọng như Công Giáo vào một nền văn hóa kỳ cựu và vững mạnh như Việt Nam là một tiến trình dài hạn. Nhưng, ngay từ những gặp gỡ khởi đầu, các nhà truyền giáo dòng Tên đã biết đưa ra những hành động hội nhập, xây dựng

bước đi vững vàng của mình. Việc hội nhập đầu tiên là liên lạc và giao lưu bằng tiếng việt. Việc thứ hai là cất nghĩa những giáo lý công giáo bằng những khái niệm và tư tưởng việt nam. Việc thứ ba là cử hành những nghi lễ, bí tích dựa theo những xử thế phong tục việt nam. Việc thứ bốn là tổ chức cộng đoàn đặt vào trong tay những giáo dân địa phương ưu tú và được huấn luyện, đặc biệt là các thầy kể giảng.

Xin mời bạn đọc trước nhất theo dõi một vài đoạn trích ký sự của chính cha Đắc Lộ, một trong những tông đồ đầu tiên đã muốn hội nhập công giáo vào văn hóa việt nam và sau đó tìm hiểu theo phân tích của hai tác giả uy tín khác : Gs Nguyễn Khắc Xuyên và Lm Đỗ Quang Chính, sj. Tất cả những bài này, nếu muốn đọc đầy đủ, bạn đọc có thể tìm được dễ dàng trong mạng lưới : <http://www.dunglac.org/>

Toàn Ban Biên tập Bản Tin Dững Lạc (1) xin kính chúc quý độc giả mọi điều may lành

## **Trần Văn Cảnh**

(1). Mọi người đều có thể tự do phổ biến tất cả những bài trong BẢN TIN DỮNG LẠC, nhưng xin đề rõ xuất xứ.

## **Về Mục Lục**

### **Nhóm Chủ Trương Mạng Lưới Dững Lạc**

**A. Liên Lạc:** Lm. Trần Cao Tường, Nguyễn Long Thao, Trần Vinh.

• email: [dunglac@gmail.com](mailto:dunglac@gmail.com) ;

### **B. Chủ Biên - Phụ Trách**

**1. Tủ Sách Dững Lạc:** Lm. Trần Cao Tường, Nguyễn Trí Dũng, Trầm Tĩnh Nguyên, Nguyễn Trường Khoan, Lê Thị Kim Loan.

**2. Văn Hóa - Biên Khảo:** Trần Văn Cảnh, Lm. Nguyễn Thái Hợp, op., Đỗ Hữu Nghiêm, Lm. Cao Phương Kỹ, Trần Văn Toàn, Nguyễn Đăng Trúc.

**3. Văn Học - Nghệ Thuật:** Lm. Trảng Thập Tự, Cao Huy Hoàng, Trần Mộng Tú, Trần Thu Miên, Quyên Di, Lê Đình Bằng, Lê Ngọc Hồ.

**4. Tâm Linh - Tôn Giáo:** Lm. Nguyễn Tâm Thường, sj., Đỗ Tân Hưng

**5. Phòng Ảnh Nghệ Thuật và Chiêm/Niệm/Thiền:** Nguyễn Đức Cung, Cao Tường, Nguyễn Ngọc Danh..

**6. Dững Lạc Slide Show:** Vũ Thái Hòa.

**7. Bản Tin Dững Lạc:** Lm. Phạm Văn Tuệ, Trần Văn Cảnh. email : [bantindunglac@gmail.com](mailto:bantindunglac@gmail.com)

**8. Tin Tức Thời Điểm:** Phạm Hoàng Nghị, Nguyễn Long Thao, Trần Vinh, Anthony Lê...

**9. Webmaster:** email : [admindunglac@gmail.com](mailto:admindunglac@gmail.com)

## **Hành Trình và Truyền Giáo / Alexandre De Rhodes**

Bản dịch của Nguyễn Khắc Xuyên

### **Chương 3: LẦN THỨ NHẤT TÔI ĐƯỢC PHÁI TỚI ĐÀNG TRONG**

Các tông đồ kiên trì giảng Phúc âm đưa vào lưới rất nhiều cá đến nỗi không thể kéo lên được, nên đã kêu gào trong thư gửi về bề trên ở Macao để xin phái các cha đến viện trợ, dù có gửi tới hai chục thì vẫn còn những mẻ cá lớn lao và tốt đẹp để săn sóc.

Vì Nhật Bản vẫn thi hành chính sách bế quan tỏa cảng, nên bề trên tin rằng Chúa cho phép sự ác đó để mở cửa cho Đàng Trong nhận Phúc âm.

Thế là năm 1624, bề trên phái cha Mathêu Mattos, trước kia ở Rôma làm quản thủ các tỉnh dòng, đến thăm việc truyền giáo ở Đàng Trong, cùng với năm bạn đồng sự người Au, trong số đó tôi hân hạnh là người thứ năm và một người Nhật thông thạo chữ Hán.

Chúng tôi khởi hành từ Macao vào tháng 10 năm 1624 và sau mười chín ngày thì tới Đàng Trong, tất cả đều hồ hởi bởi hoạt động tốt. Ở đó chúng tôi gặp cha Pina, ngài rất thông thạo tiếng xứ này, một thứ tiếng khác hẳn tiếng Tàu. Tiếng mới này còn thông dụng ở Đàng Ngoài, ở Cao Bằng, ở Đàng Trong và người ta còn nghe và hiểu ở ba xứ lân bang khác. Đối với tôi, thú thật vừa tới Đàng Trong và nghe dân xứ này nói, nhất là phụ nữ, tôi tưởng như nghe chim hót và tôi không bao giờ mong có thể học được.

Hết các tiếng đều độc vận và chi phân biệt ý do nhiều giọng nói khác nhau. Một chữ như “đại” chẳng hạn, có tới hai mươi ba nghĩa hoàn toàn khác nhau, do cách đọc khác nhau, vì thế khi nói thì như ca như hát. Tôi đã đề cập tới nhiều hơn trong cuốn Lịch sử Đàng Ngoài. Căn cứ vào đó thì thấy học thứ ngôn ngữ này không phải là dễ.

Vì thế mà tôi thấy cha Fernandez và cha Buzomi phải dùng thông ngôn để giảng, chỉ có cha Francois de Pina không cần thông ngôn vì nói rất thạo. Tôi nhận thấy bài ngài giảng có ích nhiều hơn bài các vị khác. Điều này khiến tôi tận tụy học hỏi, tuy vất vả, thế nhưng khó ít mà lợi nhiều. Tôi liền chuyên chú vào việc. Mỗi ngày tôi học một bài và siêng năng như khi xưa vùi đầu vào khoa thần học ở Rôma. Chúa đã cho tôi trong bốn tháng tôi đủ khả năng để ngồi tòa giải tội và trong sáu tháng tôi đã giảng được bằng ngôn ngữ Đàng Trong và cứ thế tôi tiếp tục trong nhiều năm. Tôi khuyên tất cả các vị nhiệt tâm muốn tới những tỉnh dòng chúng tôi để chinh phục các linh hồn, thì nên chuyên cần ngay từ buổi đầu. Tôi cả quyết rằng hiệu quả của việc trình bày các mầu nhiệm trong ngôn ngữ của họ thì vô cùng lớn lao hơn khi giảng bằng thông ngôn: thông ngôn chỉ nói điều mình dịch chứ không sao nói với hiệu lực của lời từ miệng nhà truyền đạo có Thánh Thần ban sinh khí.

Người giúp tôi đắc lực là một cậu bé người xứ này. Trong ba tuần lễ đã dạy tôi các dấu khác nhau và cách đọc hết các tiếng. Cậu không hiểu tiếng tôi mà tôi thì chưa biết tiếng cậu, thế nhưng, cậu có trí thông minh biết những điều tôi muốn nói. Và thực thế, cũng trong ba tuần lễ, cậu học các chữ của chúng ta, học viết và học giúp lễ nữa. Tôi sùng sốt thấy trí thông minh của cậu bé và trí nhớ chắc chắn của cậu. Từ đó cậu đã làm thầy giảng giúp các cha. Cậu đã là một dụng cụ rất tốt để tôn thờ Chúa trong giáo đoàn và cả ở nước Lào, nơi cậu hoạt động trong nhiều năm với thành quả mỹ mãn, cậu rất mến thương tôi nên đã muốn lấy tên tôi.

Từ ngày tôi trở về Âu Châu, tôi đã cho in ở Rôma, nhờ các vị ở bộ Truyền giáo, một tự vị tiếng Đàng Trong, Latinh và tiếng Bồ, một cuốn ngữ pháp và một cuốn giáo lý, trong đó tôi bàn giải về phương pháp chúng tôi dùng để trình bày mầu nhiệm đạo thánh cho lương dân. Việc này sẽ có ích cho những người ao ước tới giúp việc giảng Chúa Kitô bằng ngôn ngữ tới nay chỉ dùng để sùng bái quý ma.

**Alexandre de Rhodes**

<http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=136&ict=319>

**Về Mục Lục**

## **LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI (1627-1646) / Alexandre De Rhodes**

Bản dịch của Nguyễn Khắc Xuyên

### **CHƯƠNG 15**

#### **CHÚA ĐÀNG NGOÀI CHO DỤNG GÀN CUNG ĐIỆN NGÀI NHÀ Ở VÀ NHÀ THỜ CHO CHÚNG TÔI THƯA HÀNH CHỨC VỤ CHO RẤT ĐÔNG GIÁO DÂN.**

Tàu người Bồ đã đem chúng tôi tới Đàng Ngoài, nay sắp sửa trở đi, nhưng chúa đã gia ơn giữ chúng tôi lại, lại còn quá tốt muốn viết một thư lịch thiệp gửi tàu đem tới cha Anrê Palmier lúc này làm kinh lý để cảm ơn cha đã phái chúng tôi đến nước ngài và trình bày cho cha biết ngài hài lòng về việc chúng tôi tới. Để tỏ lòng quý mến và trang trọng, ngài không muốn viết trên giấy bản xứ quá thông thường (mặc dầu có

giấy rất đẹp vẽ hoa và thiếp vàng rất nghệ thuật) nhưng trên một tấm bạc trắng mỏng rồi khắc và gấp thành cuộn.

Thế nhưng tàu gặp tai nạn và đắm ở đảo Hải Nam. Thế là bức thư của chúa rơi vào tay dân đảo vì họ lượm nhặt được những mảnh tàu đắm. Sau đó cha Palmier đã chuộc lại và đem về Macao.<sup>25</sup>

Nhưng rồi chúng tôi thấy nhà chúng tôi ở chật hẹp quá, khó thừa hành các chức vụ và không đủ chỗ cho số rất đông người đến với chúng tôi. Chúng tôi liền vào châu chúa và từ tốn trình bày sự khó khăn, xin ngài cho chúng tôi một nơi nào khác thuận tiện hơn và ngài cho là tốt hơn. Không những chúa ưng thuận và còn gia ơn quyết định dựng cho chúng tôi một nhà ngay trong phủ chúa. Thế là chúng tôi chọn nơi chúng tôi cho là thuận tiện cho chức vụ chúng tôi và ngài sẽ tức thời cho xây cất phù hợp với việc sử dụng của chúng tôi. Về điều này không thiếu người có ý tốt khuyên chúng tôi nhận lời Chúa và ở bên trong lũy phủ để bảo đảm về nguy cơ hỏa hoạn thường xảy ra trong kinh thành cũng như về trộm cướp thường có do những kẻ gian hoành hành. Thế nhưng vì việc ra vào đi lại phủ chúa có nhiều thủ tục nên rất khó cho giáo dân tân dòng lui tới, chúng tôi liền chọn ở ngoài phủ với một chút bất tiện, tuy không xa, để dễ đi vào châu chúa khi được vời. Thế là trong một ít ngày sau, chúng tôi đã được một nhà do lệnh chúa cho dựng, ở địa điểm chúng tôi chọn, với tất cả những sự thuận tiện chúng tôi mong muốn. Ngôi nhà chỉ bằng gỗ theo kiểu nhà người bản xứ, nhưng khá rộng và cấu trúc cũng giống như các nhà của những bậc quyền quý. <sup>26</sup>

Thế là vào cuối tháng 9, bốn tháng sau khi chúng tôi tới kinh thành, chúng tôi sang ở nhà mới, một phần dùng làm nhà thờ và là nơi (ngay sau khi chúng tôi tới ở) rất đông người tới, đến nỗi chúng tôi phải giảng mỗi ngày sáu buổi, ba buổi vào ban sáng và ba buổi vào ban chiều, để làm thỏa mãn sự chờ đợi của những người liên tiếp luân phiên nhau tới. Kết quả lượm được từ những việc chúng tôi làm và từ hạt giống lời Thiên Chúa chúng tôi gieo thì rất lớn đến nỗi chúng tôi phải bỏ ra hai ngày trong tuần để làm phép rửa tội cho những người xin và thường là hai mươi và thỉnh thoảng tới bốn mươi, trong số đó có người thuộc thành phần quyền quý, cả trong hoàng tộc. Thực ra ngay từ đầu chúng tôi còn phải đáp lại những câu phản đối giáo lý chúng tôi rao giảng. Không những việc này làm xáo trộn thứ tự các bài giảng, làm mất thời giờ quý giá dành cho họ để đáp lại câu họ chất vấn và giải quyết những nghi ngờ, nhưng còn gieo xáo trộn tâm trí và ngăn cản không cho Phúc âm sinh hoa kết trái. Thế là chúng tôi quyết định không nhận cho ai chất vấn nêu suốt tám ngày<sup>27</sup> chưa nghe liên tục chúng tôi giảng giáo lý. Kết quả hoặc là những kẻ có tinh thần soi mói rút lui vì không đủ nhẫn nại chờ cho tới cuối, hoặc là họ kiên trì nghe suốt thời gian đã chỉ định, họ được soi sáng về các nghi ngờ và không còn gì phản đối. Như vậy ít mất thời giờ và ít có nguy cơ làm xáo trộn những thính giả thiện chí và có những tranh luận phù phiếm.

<http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=111&ict=436>

## **CHƯƠNG 16**

### **PHƯƠNG PHÁP CHÚNG TÔI DÙNG ĐỂ DẠY GIÁO LÝ.**

Mặc dầu có nhiều người rao giảng giáo lý Phúc âm cho những nước lương dân chủ trương trước hết phải hủy diệt sai lầm và tà giáo làm cho tâm trí từ bỏ những quan niệm mơ hồ, trước khi xây dựng và giảng dạy những điểm và những nguyên lý của Kitô giáo, theo lệnh Thiên Chúa đã truyền cho một tiên tri rằng: Ta đặt người để diệt và nhổ, để dựng và trồng, còn về mẫu nhiệm cao cả về Thiên Chúa Ba Ngôi thì chỉ trình bày cho người tân tòng vào lúc họ đã sẵn sàng chịu phép rửa tội, trước là để không làm rối trí họ vì những hoài nghi có thể nảy sinh về mẫu nhiệm cực kỳ cao cả và khôn lường đó. Thế nhưng theo kinh nghiệm, giữa hai cách trên đây, tôi chọn một phương pháp giáo huấn cho các dân nước này.<sup>28</sup> Nghĩa là không chống đối sai lầm các giáo phái Đàng Ngoài trước khi đặt một số các nguyên lý mà chỉ ánh sáng tự nhiên cũng hiểu biết được, như về việc sáng tạo vũ trụ, về cứu cánh và nguyên lý tuyệt đối vạn vật đã được dựng nên và về an bài những loài có lý trí và nhiệm vụ phải nhận biết Người và phụng thờ Người.<sup>29</sup> Như vậy để đặt vào tâm trí họ một nền tảng chắc chắn trên đó dựa vào mọi niềm tin khác để không làm cho họ chán nản khi nghe người ta đã phá và khinh rẻ những thờ tự của mình mặc dầu là

giả dối và những tập tục mê tín, đó là sự thường xảy ra. Tôi đã thành công hơn, theo như tôi nhận xét, nếu tôi đem cho họ một ít tâm tình hiếu thảo và mộ mến tự nhiên đối với Đấng Hóa Công và Nguyên Lý đệ nhất bản thể họ. Rồi khi đề cập tới truyện đại hồng thủy và lộn lạo các ngôn ngữ thì cho họ biết sợ Thiên Chúa họ phải tôn kính và thờ phượng, từ đó mới đã phá tà đạo mà ma quỷ cũng chỉ đưa vào thế gian sau đại hồng thủy.<sup>30</sup> Rồi sau đó tôi mới đồng ý với những người khác và chưa trình bày cho lương dân mình muốn chinh phục những mầu nhiệm Ba Ngôi thánh, sự Nhập thể và thương khó của Con Thiên Chúa và gieo mầm các chân lý đó trong tâm hồn họ, trước khi nhổ những sai lầm và mê tín dị đoan.<sup>31</sup>

Thế nhưng tôi thiết nghĩ không nên chờ tới lúc gần chịu phép rửa tội mới giảng cho kẻ tân tòng về niềm tin Ba Ngôi Thiên Chúa, nhưng nên bắt đầu trình bày mầu nhiệm này đã rồi mới dễ dàng xuống tới sự nhập thể Con Thiên Chúa là Ngôi thứ hai, sau đó nói về việc Người chịu thống khổ để cứu chuộc trần gian bị sa đọa vì tội lỗi, về phục sinh và những mầu nhiệm khác trong đạo. Đó là thứ tự và phương pháp các tông đồ đã giữ trong kinh tin kính và truyền lại cho chúng ta. Phần tôi, suốt bao nhiêu năm tôi giảng dạy lương dân, chưa bao giờ tôi thấy người nào thối lui vì đức tin của ta, vì sự trình bày bí ẩn không thể hiểu nổi của mầu nhiệm Ba Ngôi. Trái lại tôi thấy họ khó tin hơn về mầu nhiệm nhập thể. Lý do là vì họ không cho là kỳ dị Đấng Thiên Chúa với lý luận tự nhiên họ coi là bản thể khôn lường và cao cả vượt lên hết mọi nhận thức, Đấng không thể dùng lời mà cắt nghĩa những đặc tính và khó trình bày cho người ta tin theo được. Nhưng điều rất khó đối với chúng tôi là thuyết phục được rằng Đấng là một Thân Linh thuần túy, hằng hữu và bất tử, Đấng ngự trên trời vinh quang chói lọi, lại mắc lấy xác thịt, sinh trong thời gian, chết (như mọi người) và chịu đủ thứ cực hình và thống khổ. Vì thế khi phải trình bày cho kẻ tân tòng những mầu nhiệm thương khó thì phải rất khôn khéo và làm khác với cách chúng ta trình bày cho giáo dân của ta và phải giữ ba điều này.<sup>32</sup> Thứ nhất phải nhấn mạnh đến những điều lạ xảy ra khi Đức Kitô tắt thở, như thể toàn vũ trụ đều kinh sợ vì tội phạm tới bản thân Người, tí như mặt trời không chiếu sáng và không muốn soi cho trái đất đã phạm tội ghê gớm tới Người, tí như mồ mở tung và muôn loài tỏ ra sự đau đớn vì Đấng dựng nên mình đã tắt thở. Do đó kết luận rằng nếu Người tắt thở thì là vì Người muốn và vì Người cho phép kẻ sát nhân thi hành để cứu chuộc và cứu rỗi loài người. Thứ hai sau khi đã cắt nghĩa Người đã chịu thống khổ và chịu chết vì Người muốn tỏ tình thương bao la và nhân đức đặc biệt, thì lúc đó lần đầu tiên trung bày ảnh thánh giá để cho họ tôn thờ, với nến thấp và những nghi lễ tôn sùng tương tự. Thứ ba, không bao giờ cắt nghĩa sự thương khó và sự chết của Chúa Cứu thế mà không tức khắc kể truyện Người sống lại hiển vinh, thực ra Người tự quyền phép mình mà sống lại ngày thứ ba và toàn thắng ra khỏi mồ người ta đã chôn cất Người, để cho thấy rõ nếu Người đã tự cho mình sự sống bằng thắng cái chết, thì Người là Chủ sự sống và sự chết và như vậy người có quyền không để cho mình chết và tự cứu mình khỏi tay người Do Thái, nếu Người muốn. Và lời giảng này phải được lặp lại luôn và in vào tâm khảm, để họ được lòng mộ mến và kính trọng Chúa Cứu Thế. Kinh nghiệm cho chúng tôi nhận thấy rằng họ càng mộ mến và tôn thờ sự thương khó Chúa Cứu Thế thì họ càng là những giáo dân vững chãi và kiên trì thực hành nhân đức.

## **CHƯƠNG 17**

### **MÁY CƠ HỘI LÀM CHO GIÁO DÂN RẤT VỮNG LÒNG TIN**

Trong những người kiên trì đến nghe giáo lý chúng tôi giảng dạy mỗi ngày trong nhà thờ, có một thầy sãi mà hoàng thái hậu, trước khi trở lại đạo đã trao cho chức vụ quản lý một trong những đền tà thần, ở cạnh phủ chúa mà bà đã cho xây cất. Trong năm ngày liền ông đến dự và đặc biệt chăm chú nghe chúng tôi cắt nghĩa giáo lý. Nhưng đến ngày thứ năm vợ ông hốt hoảng và giận dữ như một nữ thần nông chạy đến. Thấy ông trong đám người nghe, bà liền mắng ông: kìa, bây giờ ông điên rồi, ông mất trí khôn rồi, ông đi theo một đạo bắt ông phải bỏ thần bỏ thánh bỏ đền. Hừ, ông điên rồi, ông bỏ việc quản lý đền thì ai sẽ nuôi ông, ông lấy của đâu bảo dưỡng cả nhà, vợ ông, con cái ông? Ông kiếm đâu ra để chi tiêu vào tất cả sự cần dùng? Thế là bà lớn tiếng giận dữ kêu la, còn ông sãi thì không hé môi đáp lại một lời hay cưỡng lại khi bà lôi ông ra khỏi nhà thờ và dẫn ông về nhà. Ông đã có thái độ hèn nhát làm cho những người đặt hy vọng vào ông thì đều tiếc.



Nhưng sự hèn nhát của ông sai này không ít làm cho kẻ tân tông thêm mạnh tin, do một câu chuyện ông này đã kể và (không còn nghi ngờ gì nữa) đây là hiệu quả của việc Thiên Chúa quan phòng đặc biệt. Ông sai này lúc đó có tâm hồn thấm nhuần mọi điều trong giáo lý đạo Kitô mà ông đã nghe, một buổi sáng ngày chủ nhật kia ông bước vào nhà thờ, vào đúng giờ giáo dân sửa soạn dự thánh lễ. Ông giờ cho xem một cuốn sách bằng chữ Hán ở trang đầu có in thánh danh Chúa Giêsu bằng chữ đại tự. Tôi đã coi và tức thì nhận thấy đây là sách từ Trung Quốc đưa về do một cha dòng chúng tôi soạn. Nhưng tôi ngỡ tự hỏi bởi đâu ông sai lại có trong tay cuốn sách này. Thế là ông kể cho biết, khi xưa thân phụ ông đi theo sứ thần cứ ba năm một lần sang thăm viếng và triều cống vua Trung Quốc, chính thân phụ ông đã đem sách này từ triều đình Bắc Kinh về.<sup>33</sup> Cha ông cẩn thận giữ sách này cho tới khi mất, lồi lại cho các con và như một kho tàng quý báu ông mền chuộng hơn tất cả của cải nào khác, chính cha ông cũng cho biết thêm là khi ở Bắc Kinh đi theo sứ thần thì cha ông đã được những tiến sĩ đại Tây dương làm quà cho, lại căn dặn rằng người nào tin và giữ điều chứa trong sách này thì sẽ vượt qua đời này cách lành thánh và sung sướng vào thiên quốc. Từ khi thân phụ ông mất để ông mồ côi từ nhỏ, mới lên sáu tuổi, ông quý mền giấu sách này trong một nơi kín trong ba mươi năm trời, rồi thỉnh thoảng mở ra và đọc những điều trong sách, ông chẳng hiểu gì cho tới ngày cuối cùng đây, sau khi nghe giảng, ông bắt đầu hiểu một chút. Tôi hỏi xem ông có biết nghĩa những chữ đại tự in ở đầu cuốn sách, nhưng ông thành thực trả lời là không. Thế là tôi đem cho ông coi những chữ như thế trong một cuốn sách của chúng tôi, đó là thánh danh Đức Giêsu. Đây là việc làm cho hết các kẻ tân tông đều mừng rỡ và làm cho họ càng tin những chân lý chúng tôi giảng dạy. Họ đã nhận thấy, khi tôi cho họ coi, là nội dung cuốn sách ông sai đem tới cũng là nội dung giáo lý của họ, không khác về thứ tự các điều, hay phương pháp giảng dạy. Giáo dân chúng tôi yêu cầu ông sai để lại sách đó cho chúng tôi để chúng tôi sao chép lại, nhưng ông không chịu và muốn đem về. Ông cũng chân thật cho mọi người biết, cũng không ai ép uổng ông, rằng đức tin Kitô giáo bàn giải trong cuốn sách của ông và đức tin chúng tôi rao giảng đều phù hợp nhau, đó là đường cứu rỗi đích thực và bảo đảm. Và nếu chính ông chưa tin theo điều lương tâm nói thì là tại sự nghèo khó, bởi ông không có phương tiện sinh sống ở chỗ nào khác, không có cách nào nuôi gia đình ngoài việc phục dịch trong đền. Ước gì Thiên Chúa cho ông một ngày kia nhận biết Người và thắng được trở ngại còn giữ ông trong tà đạo.

Giáo dân tân tông còn được vững đức tin và quý mền thực hành đạo Kitô khi thấy nhiều phép lạ Thiên Chúa làm trong cùng một thời gian này bởi phép cây thánh giá và nước thánh, nhất là khi chúng tôi làm cho các bệnh nhân, cả người hấp hối và những người bị thân dữ ám. Bởi thế khi chúng tôi được mời tới giúp những kẻ xin chúng tôi (mà thường chúng tôi chưa đủ sức làm hết) có rất nhiều lương dân đi theo chúng tôi, trà trộn với giáo dân và kẻ tân tông, họ đón đường chúng tôi đi qua. Họ tọc mạch đến xem nghi lễ đặt tay trên bệnh nhân; chúng tôi đặt tay trên người bệnh, rảy nước thánh và đặt thánh giá trên người bị quỷ ám. Họ thường rất ngỡ và rất mừng thấy bệnh nhân được khỏi tức thời và người bị quỷ ám được thoát khỏi ma quỷ hành hạ.

### *Nguyễn Khắc Xuyên*

<http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=111&ict=437>

### **Ghi chú (25-33) :**

(25) Bức quốc thư này hiện còn tàng trữ tại thư viện Vatican, Fonds Barberini, Orient 158. Coi : Khảo cổ tập san số 2, Sài Gòn, 1961, tr.75-76 Võ Long Tê, lịch sử văn học công giáo Việt Nam, Sài Gòn, 1965, tr.113-114

(26) Địa điểm ở chỗ nào trong vùng ngoại ô Hà Nội thì còn phải tìm kiếm. Có thể ở vùng ô Đống Mác (hay Ông Mác), vì trong Bentô Thiện viết cho giáo sĩ Marini năm 1659 thấy nhắc tới địa danh này như sau : “Thầy Chicô còn ở Ong Mác sonh le chẳng còn ai ở cùng”. Cũng có thể nhà ở ô Đống Mác về phía nam thành Hà Nội chỉ là một trong các trụ sở.

Ô Đống Mác ở vào phía nam kinh thành, gần bờ sông Hồng, tiện cho các thuyền bè ngoại quốc. Cũng nên nhớ, ô Đống Mác không xa ô Cầu Dền. Ô Cầu Dền cũng ở về phía nam kinh thành nhưng ở xa bờ sông Hồng. Miền này còn hai di tích cổ là đền Hai Bà Trưng và chùa Liên phái.

Cũng nên ghi ở đây, khi quân đội viễn chinh Pháp tới Hà Nội vào cuối thế kỷ 19, thì nhà vua cho bọn họ đóng đồn ở vùng này, gần sông Hồng về phía nam kinh thành gọi là Đồn Thủy, tức chỗ thủy quân của ta đóng đồn và tập trận

(27) Coi : Phép Giảng tám ngày. Nếu mỗi ngày sáu buổi thì mỗi buổi chừng một tiếng đồng hồ.

(28) Trong Phép Giảng tám ngày, tác giả chỉ đề cập tới những giáo phái hay đạo vạy với những di đoạn mê tín ở ngày thứ tư, sau khi đã bàn giải về mấy nguyên lý căn bản về sự sống hằng có, về linh hồn bất tử, về nguyên nhân đệ nhất, về việc có vũ trụ và loài người, nghĩa là sau khi đã dọn đường cho lý trí hiểu biết những điều thuộc lý lẽ tự nhiên trong con người.

(29) Chương trình ngày thứ nhất, thứ hai và thứ ba .

(30) Ngày thứ bốn

(31) Ngày thứ năm, thứ sáu và thứ bảy: mầu nhiệm Chúa nhập thể và Chúa cứu chuộc loại người

(32) Ngày thứ bảy

(33) Có thể là có Thiên Chúa thực nghĩa của Ricci đã nói qua ở trên

## Về Mục Lục

# GIÁO SĨ ĐẮC LỘ VÀ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM / Nguyễn Khắc Xuyên

## II. Phương pháp dạy giáo lí

Trong Hành Trình và Truyền Giáo, Đắc Lộ kể lại rằng: khi tới Goa ở Ấn độ, ông thấy người ta bắt người Ấn độ khi theo đạo thì cởi bỏ y phục bản xứ mà mặc theo người Bồ, tức người Âu châu. Cũng vậy, khi ông tới Trung quốc, ông thấy người ta bắt dân Trung quốc khi theo đạo thì phải cắt tóc ngắn theo kiểu để tóc ngắn của người Bồ, tức người Âu châu. Đắc Lộ đã phản đối việc làm sai trái này, vì đạo Chúa đòi hỏi con người những niềm tin mới, còn cách ăn mặc thì theo dân tộc mỗi dân mỗi nước.

Việc này tỏ ra Đắc Lộ đã có một phương pháp trình bày giáo lí thích hợp với một nền văn minh rất cổ như ở Trung quốc và một phần nào ở Việt Nam. Hẳn Đắc Lộ có chịu ảnh hưởng phương pháp trình bày giáo lí của hai giáo sĩ người Ý hoạt động ở Trung quốc trước đây mấy chục năm.

Năm 1584 giáo sĩ Micae Ruggieri, người Ý, thường gọi là Minh Kiên đã cho in tại Trung quốc cuốn Thiên Chúa thực lục chính văn để trình bày giáo lí công giáo cho người Trung Hoa. Cuốn này, năm 1585 đã được tặng cho một viên quan Việt Nam đi Bắc Kinh. Ông quan này đã đưa về nhà làm của quý truyền lại cho con cháu. Khi Đắc Lộ giảng ở Kẻ Chợ thì có một người đưa cho ông cuốn đó coi và ông nhận thấy ngay đây là cuốn chứa đựng những giáo lí như giáo lí ông đang giảng dạy. Vào năm 1603 giáo sĩ Mathêu Ricci thường gọi là Lợi Mã Đậu đã cho hủy những bản khắc cuốn của Minh Kiên và cho ấn hành cuốn Thiên Chúa thực nghĩa để thay thế vào. Hẳn là khi Đắc Lộ tới Đàng Ngoài, ông đã mang theo một vài cuốn vì đã có lần ông đưa sách cho mấy người nho học đọc.

Phương pháp của Đắc Lộ đã được trình bày về nguyên tắc trong một chương Lịch sử Đàng Ngoài. Đại khái ông nói: có người chủ trương theo lời đáng tiên tri, đó là trước hết phải hủy diệt để rồi xây dựng sau. Dĩ nhiên cũng không phải xây dựng trước khi hủy diệt. Ông chủ trương một con đường trung dung, có nghĩa là thoạt đầu hãy cho con người công nhận những lẽ phải tự nhiên về một đấng Tạo Hóa, những điều con người suy nghĩ về lẽ tự nhiên, sau đó mới đề cập tới lý thuyết về một Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ và duy trì vũ trụ, để rồi mới nói tới những mầu nhiệm cao cả của đạo, sau khi đã bác bỏ những sai lạc. Nếu bắt đầu bác bỏ những tin tưởng cổ hữu của họ thì làm cho họ bất bình và như thế khó cho họ nhận những giáo thuyết của chúng ta.

Phương pháp trung dung này đã được đem ra thi hành trong cuốn Phép Giảng tám ngày. Cũng phải nói ngay rằng: cuốn phép giảng không phải là cuốn giáo lí đại cương, vấn tãi với câu hỏi và lời thưa, nhưng là những bài diễn giải, suy luận dành riêng cho người giảng, người thuyết giáo. Cuốn sách không chia riêng thành chương mà thành tất cả tám ngày. Ngày thứ nhất và ngày thứ hai, đề cập tới những vấn đề chung chung về ước muốn thâm sâu của con người về một thứ hạnh phúc lâu bền, một ít quan niệm về thượng đế,

về vũ trụ và loài người, về cái nguyên lí đầu hết của mọi vật. Đến ngày thứ ba, mới nói tới công cuộc sáng tạo các thiên thần, nhất là việc Thiên Chúa dựng nên vũ trụ, vạn vật và loài người trong sáu ngày theo sách Sáng thế. Về điểm này, rất có thể khá thích hợp với bản năng con người Việt Nam, những người vốn tin có một "Ông Trời" làm nên trăng, sao, mây, nước và vạn vật. Cho tới ngày thứ bốn sau khi nói qua về Đại Hồng Thủy và Noe với tháp Babel, thì mới bắt đầu vạch trần những sai lạc vốn có trong ba thứ đạo cổ truyền gia nhập từ Trung quốc đó là tam giáo Phật, Lão, Khổng và một số tín tưởng dân gian khác.

Cũng phải nói ngay rằng, những phê phán của Đắc Lộ vẫn còn có những khát khe thuộc chủ quan, những lệch lạc vì chưa hiểu rõ ba giáo lí uyên thâm đã làm nên con người Việt Nam kể từ lâu đời. Đặc biệt đối với Phật giáo, Đắc Lộ đã có những lời lẽ làm chói tai độc giả ngày nay. Dầu sao nếu ông chưa hiểu giáo lí đạo Phật và học thuyết của Lão Tử, thì ông cũng có một chút cởi mở đối với việc "thờ kính" đức Khổng Tử. Còn dĩ nhiên ông thóa mạ những tập tục đốt vàng, đốt mã kính vong linh người chết, cũng như những di đoan mê tín khá phổ thông nơi dân gian thời đó.

Rồi mãi tới ngày thứ năm, ông mới giảng về Mầu Nhiệm Một Chúa Ba Ngôi rồi tiếp sau mới nói tới Mầu Nhiệm Chúa làm người và chuộc tội thiên hạ. Tới ngày thứ tám, sau khi giảng về phán xét chung thì đề cập tới Mười điều răn để rồi bắt đầu dạy những điều cần thiết để chịu Phép Rửa Tội mà vào đạo thánh Đức Chúa Trời. Nói đạo thánh Đức Chúa Trời, chứ không phải đạo Pha Lang hay Phát Lang, có ý chỉ đạo người Bô, hay đạo Hoa Lang, một cách phát âm khác của Pha Lang, người Bô.

Có hai điểm làm chúng tôi rất thích thú, một là khi Đắc Lộ sử dụng những quan niệm hay tư tưởng các nhà nho ta lúc đó để đưa họ về giáo lí đạo Chúa, hai là những lí luận cổ điển phái Tômít để diễn giảng về Thiên Chúa và Ba Ngôi Thiên Chúa.

Mở đầu lời giảng ngày thứ nhất trong Phép Giảng, Đắc Lộ nói: "Ta cầu cùng Đ.C.T. giúp sức cho ta biết tờ tường đạo Chúa là nhường nào. Vì vậy ta phải hay ở thế này chẳng có ai sống lâu: vì chung kẻ đến bảy tám mươi tuổi chẳng có nhiều".

Không phải mãi cho tới năm 1969, người ta mới nghe nói tới câu thơ của Đỗ Phủ "nhân sinh thất thập cổ lai hi" nghĩa là "người thọ 70 xưa nay hiếm". Nhà thơ danh tiếng của chúng ta, Nguyễn Bình Khiêm, từ thế kỉ 16 đã viết: "nhất nhân sinh bảy tám mươi". Và Đắc Lộ đã học biết điều đó. Ông nắm lấy cơ hội để đưa người ta vào một suy nghĩ triết học và thần học: ước muốn trường sinh đắc đạo và cách thế để đạt tới. Thật là đặc biệt.

Rồi Đắc Lộ lại tung ra câu nói trong dân gian, tương tự như thế này: phô ông thường nói "sinh kí, tử qui", như vậy phô ông chủ trương cuộc sống này thế nào. Sống gửi thác về, sống gửi là sống tạm bợ, còn chết về mới là về đời sau bền vững lâu dài. mấy giòng sau, Đắc Lộ còn như ngây ngô nói: "sinh là kí đã, tử là qui đã". Câu nói khắp khênh, vụng về, ngây thơ vừa Hán vừa Nôm này đã làm cho nhà học giả Nguyễn Văn Tố rất đặc ý. Thật là tuyệt: sinh là kí đã, tử là qui đã. Vậy đã là tạm bợ thì phải tìm đàng nào cho được sống lâu mãi mãi. Hẳn vì thấy nhà nho của ta rất thích nói chữ, rất hay trưng câu thánh hiền, trích dẫn nơi sách nho, từ Tứ Thư Ngũ Kinh, nên Đắc Lộ cũng ném ra mấy câu chữ nho. Ông giảng: "Có chữ Annam nói rằng: Kiên thẳng khả kế ngư giác, lí ngữ năng phục nhân tâm, đây bền khá buộc được sừng trâu, lẽ thật khá phục được lòng người ta", như vậy, nếu là đạo lí đạo phải thì phô ông phải tin theo chứ. Và Đắc Lộ tiếp tục thỉnh thoảng lại đưa ra một vài chữ nho khác. Phô ông nói: thiên phú địa tái thì có nghĩa gì? Có nghĩa là trời che đất chở. Đã là trời che đất chở thì không thể là đối tượng cho ta thờ được. Hơn nữa tại sao phô ông nói: Nữ oa phụ thạch đới thiên, "đàn bà gọi là Oa đội đá vá trời", trời rách nát gì mà phải vá. Rồi phô ông còn viết: từ tạo thiên lập địa. Như vậy phải có một sự tạo dựng nào đó chứ. Và sau đây là lời lẽ Đắc Lộ tung ra để mình chứng Đấng tạo thành trời đất và muôn vật, chúa trời đất, Đức Chúa trời đất, đây mới chính là "thiên địa vạn hữu chi chân Chúa". Khi bác bỏ những cái sai lệch của Lão Tử, của Đạo Giáo, Đắc Lộ cũng tỏ mình như đã có đọc tới Đạo Đức Kinh, khi ông nói tại sao người ta lại viết: "Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật". Cái hay ở đây là giáo sĩ đã chọn một số câu nói thông dụng để tấn công vào tư tưởng hủ nho của ta và để trình bày hay đúng hơn dọn đường trình bày giáo lí.



Biết các nhà nho của ta theo thuyết duy lí, lấy lí lẽ suy luận làm cơ sở cho hành động, Đắc Lộ hơn một lần cho họ thấy khía cạnh hữu lí của đạo giáo. Ông viết: "Có phải mlẽ thì phải làm, chẳng phải thì chớ" (tr.17). Hoặc: "ví bằng phải mlẽ thì thờ, chẳng phải mlẽ thì chớ" (tr.31). Vào cuối sách, ngày sau cùng, ngày thứ tám, Đắc Lộ nhắc lại các nguyên tắc đẹp đẽ đó như sau: "cho nên ta thấy sự gì phải mlẽ thì ta theo, mà ta xem việc gì trái mlẽ thì ta tránh" (tr.278-279). (VietCatholic News (06/05/2005) Giáo sĩ Đắc Lộ (1593-1660): Phương pháp dạy giáo lí (2)

Đắc Lộ đi vào thần học về Thiên Chúa, theo lí thuyết kinh viện hay Tômít về một nguyên lí đệ nhất. Theo chúng tôi thì cái lối suy luận, biện luận này khá mới đối với giới trí thức của ta thời đó. Họ lâu năm dùi mài kinh sử, nghiền ngẫm sách thánh hiền, nhưng thực ra đầu óc họ đầy chữ nghĩa mà vẫn rỗng tuếch. Khi đi thi hội, thi đình để đỡ ông nghề ông công, đề tài nhà vua nhà chúa đưa ra thường thuộc về phép trị dân, về những thời Ngũ Đế, thời Thuấn Nghiêu. Hơn nữa bài luận thuyết một là bị hạn chế bởi những điều kiêng kị, hai là phải biết nịnh kẻ cầm quyền. Có thể là lần đầu tiên, họ nghe một người đưa ra lí luận như sau:

"Bây giờ phải giảng thật Đức Chúa Trời là ai, Đức Chúa Trời ở đâu, bởi đâu có Đức Chúa Trời. Sự sau này cho ta giảng trước. Ta nói rằng thật Chúa trời đất chẳng ai làm mà có, vì chung Đức Chúa Trời là cội rễ đầu, làm mọi sự". Đắc Lộ đã tìm được một từ ngữ rất nôm, rất bình dân, rất ảnh hưởng để dịch một từ triết học và thần học "causa efficiens", nguyên nhân tác thành. mấy giòng dưới, bản latin còn đổi chữ "causa efficiens" thành "radix et causa", nghĩa là phối hợp hai từ lại để chỉ một thực tại, đầu cội rễ mọi sự. Và từ tư tưởng về cội rễ này Đắc Lộ đưa ra thí dụ về nguồn cội cây cối chứng tỏ phải có một căn nguyên mọi sự. Chữ "căn nguyên" này cũng được dùng tới. Rồi ông chứng minh Ngọc Hoàng, Mục Mũi đều không phải là Đấng tạo thành thiên địa vạn vật.

Khi luận về bản tính Đức Chúa Trời thì Đắc Lộ đã đưa ra những lí luận thuộc siêu hình, thuộc thần học kinh viện và đối với thánh giá thời đó, những lí luận này rất lạ, rất mới. Đức Chúa Trời "thật có phép hay biết vô cùng", dịch từ chữ latin là "infinita potentia & sapientia", Đức Chúa Trời "thật là tính thiêng liêng vô cùng mà chớ", dịch từ chữ latin "infinita ejus Divinitas et essentia infinita". Tính, bản tính, căn nguyên đều là tiếng từ ngữ học thuyết kinh điển.

Ông tiếp tục: "Ví bằng tính Đức Chúa Trời là tính có cùng, lại có phép và hay biết vô cùng, làm sao được?", nhà nho thời xưa lí luận với những bồ chữ "chi hồ giả dã", nhưng không đi ra ngoài môn học từ chương. Đắc Lộ vẫn giảng về Đức Chúa Trời hằng có "mà chẳng có trước cũng chẳng có sau, vì tính vô cùng thật là phải có hằng sống vô cùng, bằng tính vô cùng".

trên đây chúng ta đã thấy Đắc Lộ lấy tư tưởng trường sinh bất tử trong đạo Lão, nghiền ngẫm qua các thi gia của ta, như một Nguyễn Bình Khiêm, một thi gia nào khác đó thời Hồng Đức, tới đây, ông lại dùng tới chữ "thanh nhàn" để chỉ trạng thái "niết bàn" trên thiên quốc, trạng thái hay đúng hơn bản tính Thiên Chúa trên Nước Người. Ông viết: "Trong mình (ĐCT) rất vui vẻ, vì trong mình duy (vốn) có mọi sự vui vô cùng; khi chưa có thế giới này, cũng đã vui vẻ, mà dầu chẳng có ai nữa, một Đức Chúa Trời cũng trọn vui vẻ, thanh nhàn vô cùng".

Cái lí tưởng của đạo Nho nhuộm màu Lão Tử thời xưa, ít ra ở một số nho gia, đó là sự thanh nhàn vô sự, "thanh nhàn vô sự tiêu thân tiên" như Nguyễn Bình Khiêm viết, vô sự là không vướng mắc trách nhiệm triều đình, hết chức vụ làm quan, thời kì nghỉ ngơi, hạnh phúc. Tư tưởng thanh nhàn vui vẻ này từ ba thế kỉ vẫn là tư tưởng then chốt trong sách bốn của chúng ta, bởi vì câu đầu trong sách bốn là câu: Hỏi phải làm đi gì cho được thanh nhàn vui vẻ vô cùng? Thưa, Phải giữ đạo thánh Đức Chúa Trời. Tất cả từ ngữ lẫn tư tưởng đều lấy từ Đắc Lộ, trong Phép Giảng tám ngày, trong thần học của Đắc Lộ vậy. Mãi cho tới những năm 1965-1967 khi sửa lại sách bốn, người ta mới thay thế câu hỏi trên bằng: Hỏi: Ta sống ở đời này để làm gì? Thưa: Ta sống ở đời này để nhận biết, thờ phượng và kính mến v.v.

Cuốn Yếu lí của Giáo hội công giáo 1992 bắt đầu bằng khát vọng Thiên Chúa của con người ta: "Khát vọng Thiên Chúa được ghi trong lòng con người". Phép Giảng bắt đầu bằng:

"Ta cầu cùng Đức Chúa Lời giúp sức cho ta biết tỏ tường đạo Chúa là nhuần nào. Vì vậy ta phải hay ở thế này chẳng có ai sống lâu vì chung kẻ đến bảy tám mươi tuổi chẳng có nhều vì vậy ta nên tìm đảng nào cho ta được sống lâu là kiếm hàng sống vậy".

Trên đây là luận về một "thiên địa vạn vật chân Chúa", còn khi diễn giảng về "tam vị nhất thể Thiên Chúa già" thì Đắc Lộ đã đề cập tới như thế nào? Như chúng ta đã biết, Đắc Lộ không nói về Ba Ngôi ngay ở chương đầu, ngày thứ nhất. Mãi tới ngày thứ năm, ông mới bàn tới. Nhưng trước khi diễn giảng, ông đã rào trước đón sau, chuẩn bị cho người ta hiểu và nhận một mâu nhiệm trọng đại. Bởi vì nếu cho tới đây người ta có thể nhận một Chúa trời đất, nhưng chưa chắc đã chịu một lí lẽ về một Chúa Ba Ngôi. Ông viết: "Rày thì giảng hai điều nhất trong đạo thánh Đức Chúa Trời, và rất siêu nhiệm cũng rất cao là đều giảng (Sanctissima Trinitas) lời nói chẳng hết lẽ sót, và đều giảng phép cả Đức Chúa bời ra đời, làm cho ta hãi".

Cũng nên biết là Đắc Lộ nhất định không dùng "Thánh Thần" để chỉ Đức Chúa Thánh Thần. Ông nhận chữ "thiên thần" để chỉ đức thánh thiên thần, thần trời. Bởi vì theo ông, chữ "thần" còn nhuộm quá màu sắc ngoại giáo: dân gian người ta tin thần, qui, tà thần, hung thần, thần sông, thần núi, thần gió, thần biển... đâu đâu cũng có thần. Cho nên Đắc Lộ vẫn giữ nguyên văn La ngữ hay Bồ ngữ "Sanctissima Trinitas" hay "Sanctissima Trinitate" và nhất là Spiritus Sanctus hay Spirito Sancto (Thánh Thần). Dầu sao, chúng ta đã có "tam vị nhất thể" và "ba ngôi một tính", vị là ngôi, thể là tính. Ông còn nói: một tính, một tòa. Ba ngôi đó là đức Cha, đức Con, và đức Spiritus Sanctus. Đắc Lộ cắt nghĩa: "là đức Cha, thật là Cha vì đẻ ra Con hằng vô cùng vậy, lại đức Con thật là Con vì có Cha đẻ hằng vô cùng vậy mà lại đức Chúa Trời là đức Spirito Sancto, thật là Spirito Sancto, vì chịu thông qua hằng vô cùng bởi đức Cha và bởi đức Con yêu nhau vậy".

Theo đúng thần học kinh viện, Đắc Lộ tiếp tục diễn giải về liên quan giữa Ngôi Cha và Ngôi Con: "Đức Chúa bời là đức Cha hằng biết bậc trọn lành mình vô cùng mà sinh ra ảnh thiêng mình hay là lời vô cùng mà thông ra trót tính mình, cho ra đức Con cũng bằng đức Cha". Hình ảnh là tiếng thánh Phaolo dùng để chỉ Con Thiên Chúa và lời là từ ngữ thánh Gioan viết ngay ở chương đầu sách Phúc âm của Ngài. mấy giòng sau, Đắc Lộ còn tiếp tục giảng: "Đức Cha xem thấy tính thiêng liêng mình như gương rất sáng, vậy thì đẻ ra ảnh mình rất khéo rất sáng mà tự nhiên thì thông ra trót tính mình cho ảnh ấy, mà bức ảnh ấy là đức Lời đức Chúa trời hằng có vậy". Chúng tôi có cảm tưởng một cách thô kệch, là người thời đó cũng hẳn chỉ coi như những lời bí ẩn trong Đạo đức Kinh của Lão Tử hay trong Kinh dịch huyền nhiệm, nhưng diễn giải bằng chữ bình dân, bằng lời nói thông thường mà thôi. Về Chúa Thánh Thần, Đắc Lộ viết: "Sự đức Cha cùng đức Con yêu nhau vô cùng làm vậy, gọi là đức Spirito Sancto...". Nói tóm lại là "đức Cha và đức Con và đức Spirito Sancto, cùng một Đức Chúa Trời, là một tính mà thôi thì có ba ngôi, là căn nguyên và cội rễ đầu mọi sự, và mọi sự thì cùng về một Đức Chúa Trời".

Riêng về những từ ngữ vẫn còn là tiếng Latinh thì thực ra cũng không gây phiền hà khó khăn gì. Phật giáo truyền qua nước ta do ngã Trung quốc là phần nhất, nên người ta vẫn tụng kinh bằng chữ Hán và vẫn còn có nhiều câu vẫn bằng tiếng phạn. Chỉ sau này, dần dần, chúng ta mới dịch toàn thể từ ngữ thần học ra chữ nôm hay chữ Việt, tiếng Việt.

Trên đây, chúng tôi mới chỉ vấn tắt trình bày một vài điểm có thể gọi là chính yếu trong việc dẫn giải thần học và giáo lí. Phải đọc lại để một là nhận thấy sự cố gắng của tác giả, hai là để thưởng thức cái hương vị ngọt ngào của những bản văn đơn sơ, ngô nghê nhưng không kém phần sâu sắc./.

### III. PHỤNG VỤ VÀ NGHI LỄ

Không phải chỉ với Đắc Lộ, chúng ta mới có phụng vụ và nghi lễ. Nhưng nhờ Đắc Lộ và qua Đắc Lộ, chúng ta biết tổ chức nghi lễ ở thời này như thế nào. Trước hết là vấn đề lịch phụng vụ. nước ta vào thế kỉ này, việc soạn lịch kể là tối quan trọng. Chính quyền có một cơ quan, một bộ lễ để soạn lịch, nhưng đúng hơn, người của chúng ta ít có khả năng để soạn lịch; nói chung, phụng lĩnh lịch Trung quốc và ngày phát lịch là cả một nghi lễ trang trọng. Nơi dân gian, người ta biết các tháng trong năm và mỗi tháng có hai ngày trọng đại là ngày mồng một và ngày rằm theo cách tính mặt trăng. Lịch công giáo lại tính theo mặt

trời, không theo mồng một ngày rằm, không theo thượng trung hạ tuần mà theo tuần lễ bảy ngày. Chính ra ngày thứ bảy là ngày Sabbato, ngày Thiên Chúa nghỉ sau khi tạo dựng vũ trụ và loài người trong sáu ngày. Nhưng trong Tân Ước thì Đức Giêsu đã sống lại ngày đầu trong tuần bảy ngày của người Do thái. Do đó chúng ta lấy ngày thứ nhất là ngày của Chúa, chủ nhật, ngày Chúa phục sinh. Vậy cần thiết làm lịch, không những để biết những ngày lễ chính yếu và các mùa liên hệ trong năm như mùa Vọng và Sinh nhật, mùa Chay và Phục sinh, mà còn các ngày của Chúa, chủ nhật, và ngày thứ sáu lúc đó còn giữ kiêng khem nghiêm chỉnh. Đắc Lộ nói đã cho khắc gỗ in lịch và phân phát cho các giáo đoàn qua trung gian các thầy giảng và giáo dân hữu trách. Ông kể lại một câu chuyện hi hữu: ở một cộng đoàn kia, trong giáo dân không ai biết đọc, dĩ nhiên là chữ nôm, do đó phải thuê một "kẻ ngoại" đến nhà thờ đọc lịch và đọc sách thiêng liêng cho bôn đạo nghe.

Đắc Lộ cũng cho biết giáo dân có thói quen hội nhau, đặc biệt là ngày chủ nhật, để đọc kinh và nghe sách, nghe thư chung giáo sĩ gửi tới. Vì thiếu linh mục nên giáo dân tổ chức với nhau. Việc đọc kinh sáng tối ở nhà cũng có từ thời này. Đắc Lộ kể đã có một lần giáo dân bí mật đến gặp giáo sĩ: họ đã bị phát giác chỉ vì ngày mới tinh sương, họ đã đọc kinh sáng làm cho lính canh để ý.

Lễ Sinh nhật được cử hành rất cảm động, ở nhà thờ cũng như ở nhà tư. Thầy Y Nhã đã một lần dự lễ Sinh nhật ở tư dinh bà Maria. Đã có thầy giảng biết làm hang đá và trang hoàng đẹp đẽ, mỹ thuật. Hãy nghe Đắc Lộ nói về lễ Giáng sinh năm 1644 ở một thôn xóm thuộc Đàng Trong, tại một nhà giáo dân tên là Gioan Hào, hình như ở Nước Mặn thuộc Qui Nhơn, nơi người dân làm muối:

"Đây mới thật sốt sắng mừng đêm Giáng sinh: nửa đêm thanh vắng, tôi cứ tưởng như thấy mọi ánh sáng thiên đàng. Tôi không nói tới nguồn an ủi tôi nhận được ở đây, nhưng tôi quyết rằng trong những nhà thờ đẹp nhất, trong những bản nhạc hay nhất bên trời Âu, chưa bao giờ tôi thấy có gì tương tự, không ai thấu được, chỉ người đã thường thức mới biết mà thôi. Vào tảng sáng, tôi ra lệnh cho mọi người rút lui vì tôi vẫn nơm nớp sợ những gì có thể xảy ra khi chúng tôi chia tay".

Đây là lời Đắc Lộ viết lại trong Hành trình xuất bản tại Paris năm 1653. Còn ở bản tường trình viết ngay tại Macao năm 1645 thì ông chỉ viết vắn tắt, nhưng có mấy chi tiết cảm động. "Trong làng này tôi đã mừng lễ Giáng sinh trong một nhà rộng lớn đã trang trí tươm tất, nhà này thuộc một người tên là Nicola Hào, một Kitô hữu kì cựu nhất, đã được chịu phép rửa tội từ 25 năm nay do cha FranEois Buzomi thuộc dòng chúng tôi và là người đầu tiên tới khu truyền giáo này năm 1615".

Tới mùa Phục sinh, thì thật là cả một phương pháp giáo huấn và sống phụng vụ dồi dào. Đắc Lộ cho biết, một lần đi thuyền biển vào mùa Chay và Tuần thánh. Lúc dạt vào một hòn đảo, ngài đã cho các thầy giảng lấy lá dừa rất có nhiều ở đảo này làm lá để rước lá. Rồi tới ba ngày thánh vì không đủ phương tiện hát kinh theo nghi lễ giáo hội thì Đắc Lộ soạn 15 ngắm, cứ sau mỗi ngắm thì tắt một trong 15 ngọn nến thấp sáng, theo thể thức hát kinh đêm trong ba ngày thánh. Đắc Lộ viết trong Lịch sử Đàng Ngoài:

"Để cho họ khỏi bị thiệt thòi, thì chúng tôi đã chia các mầu nhiệm thương khó làm 15 đề tài chính. Cứ sau khi đọc chung mười kinh chuỗi hạt thì ngắm một đoạn và suy niệm một trong 15 sự thương khó, sau mỗi lần như thế thì lại tắt một trong 15 ngọn nến sáng theo tục lệ trong giáo hội Roma. Trong nghi lễ, họ khóc lóc, kêu gào và rên rỉ tỏ lòng thương mến những thống khổ và cái chết của Chúa Cứu Thế, người lân cận cũng đến nghe".

Lại còn lễ Nén, Đắc Lộ cũng làm phép Nén rồi cho giáo dân đem nén phép về nhà để thấp khi có người qua đời. "Nén làm phép này giúp họ trong giai đoạn tối hậu và nguy hiểm của đời sống, để xua đuổi tướng lãnh tối tăm và địch thù ơn cứu rỗi".

Đắc Lộ cũng cho thánh hóa ba ngày Tết Nguyên Đán, những ngày khá nguy hiểm theo ông, vì có nhiều tục lệ mà ông cho là dị đoan mê tín như dựng cây nêu, cúng bái tổ tiên, hái lộc nơi các đền điện chùa chiền. Thay vì cây nêu thì dựng cây thánh giá, ngày mồng Một kính Thiên Chúa Cha, Đấng tạo thành thiên địa, ngày mồng Hai nhận biết ơn Cứu chuộc kính dâng Con Thiên Chúa và ngày mồng Ba, cảm tạ Chúa Thánh Thần, Đấng đã gọi chúng ta "vào đạo Kitô".

Trở lại việc ngắm 15 sự thương khó, chúng tôi đã so sánh bản hiện nay còn được dùng trong Mùa Chay với bản trong Phép Giảng thì chúng tôi thấy bản ngày nay có khá nhiều điểm chứa đựng trong Phép Giảng, đặc biệt mấy câu chuyện truyền thuyết không có trong Phúc âm, thí dụ năm nghìn đòn, bảy mươi hai cái gai, khăn bà thánh Veronica rày hầy còn ở thành Roma... Về từ ngữ thì bản ngày nay vẫn còn phản ảnh bản trong Phép Giảng. Thí dụ: đây tứ cả, cả và, đí gì, giã (từ giã), Kê Chợ, là đá, mắng tiếng, min, rình sinh thì, thầy cả Giu đều... Hơn ba thế kỉ nay, hẳn đã có sự sửa chữa, nhưng tựu trung không thay đổi gì quan trọng./.

#### IV. Hội các thầy giảng

Đắc Lộ là một nhà truyền giáo, một tông đồ nhiệt thành, một nhà giảng giáo lí và tổ chức phụng thờ nghi lễ vừa bình dân vừa sốt sắng. Nhưng ông còn là một nhà lãnh đạo, một thủ trưởng có tài tổ chức. Giáo đoàn có nhiệt tâm, nhưng nếu không có lãnh tụ để chỉ dẫn thì giáo đoàn ấy không có cơ phát triển. Lúc này chỉ có các giáo sĩ ngoại quốc, chưa có linh mục bản xứ. Vậy việc tốt nhất là huấn luyện một lớp thầy giảng người bản xứ, trao cho họ một nhiệm vụ nho nhỏ, như dạy giáo lí, sửa soạn người để chịu phép rửa tội. Họ là những cộng tác viên rất đắc lực của nhà truyền giáo, vì họ là người thuộc Đất Nước, biết phong tục của Đất Nước, nói tiếng bản xứ, dễ dàng đi lại tiếp xúc mà không bị nghi ngờ.

Trong số những người được chọn và được huấn luyện thì có người có học, hoặc đã là thầy đồ dạy học, đã là thầy sai. Khi họ theo đạo thì được Đắc Lộ giảng dạy giáo lí và cho đi thực tập tại chỗ, nghĩa là theo giáo sĩ. Đàng Ngoài, chúng ta được biết có mấy người chính yếu là Phanchicô, Anrê, Inhaxu và Antôn.

Phanchicô là một thầy sai, một người thành tâm tìm đạo lí, nhưng sau khi nghe Đắc Lộ rao giảng thì ông liền bỏ đền chùa miếu mạo mà theo đạo. Ông cũng tỏ mò xin đến ở nhà giáo sĩ trú trọ, không phải để theo mà để xem các giáo sĩ ở đây có giữ những lời các ông dạy hay không. Khi thấy không những các giáo sĩ giữ mà còn giữ nghiêm khắc hơn lời giảng dạy, lúc đó ông mới thú nhận và xin làm người trợ giúp. Ông được đặt làm thủ trưởng các thầy giảng. Phần 2 chương 19 trong Lịch sử Đàng Ngoài, có nói tới cuộc trở lại của ông. Khi Đắc Lộ lên đường để trở về Macao thì đem theo Phanchicô cho tới khi đến bến tàu. Phanchicô ngỡ lời muốn theo thầy về Macao nhưng Đắc Lộ khuyên nên ở lại, vì giáo đoàn cần đến ông.

Antôn là một thanh niên cường tráng, anh đã tự nguyện làm người giúp việc trong cộng đoàn. Sau được đi theo Đắc Lộ trong hành trình vào Thanh Nghệ năm 1629. Cũng thế Inhaxu cùng đi thuyền với Đắc Lộ khi bị trục xuất. Trên thuyền, vào buổi tối Inhaxu vì có tài thơ phú nên đã ca hát cho vui, và cũng là cơ hội tuyên truyền các giáo lí cơ bản.

Trước khi trở về Macao năm 1630, Đắc Lộ đã tổ chức một lễ tuyên thệ long trọng và cảm động. Các thầy đặt tay trên sách Phúc âm và thề ba điểm, một là giữ luật độc thân, hai là không giữ của cải riêng cho mình, ba là phải vâng lời thầy thủ trưởng cho tới khi nào có các cha dòng tới. Phanchicô đọc lời thề trước hết rồi đến Anrê và Inhaxu, sau cùng là Antôn.

Đó là ở Đàng Ngoài, còn ở Đàng Trong thì Đắc Lộ cũng cho tổ chức hội các thầy giảng tương tự như thế. Đắc Lộ nói đoàn thề các thầy giảng gồm có Anrê, Inhaxu, Vinh sơn và bảy người khác, rồi sau cùng thêm hai người nữa, làm thành 12. Anrê là người chứng thệ nhất, từ đạo tháng bảy năm 1644 trước mặt người cha, người thầy và người anh là Đắc Lộ. Nhưng người nổi tiếng nhất là thầy Inhaxu (Y Nhã) "trước kia làm quan, một trong những viên quan thời danh nhất và giỏi giang nhất trong phủ chúa". Đắc Lộ nói nhiều về thầy, vì thầy được trao cho những nhiệm vụ quan trọng, đưa phái đoàn lên miền Bắc giảng dạy thay Đắc Lộ; thầy đứng ra tranh luận với một "tuyên úy" của Tổng Thị và vì thế bị bà này căm thù và bị lên án tử. Mấy lần bị bắt và bị tra hỏi, thầy vẫn cương quyết giữ vững niềm tin.

Cũng như khi còn ở Đàng Ngoài, Đắc Lộ đã làm lễ tuyên thệ cho các thầy giảng, thì ở Đàng Trong ngày 31 tháng 7 năm 1643, đúng ngày lễ thánh tổ Inhã, Đắc Lộ đã cho đoàn thề các thầy giảng tuyên thệ. Trước khi rời Đàng Trong, Đắc Lộ đã ghi trên giấy những lời dạy dỗ và cất đặt Inhã làm thủ trưởng. Inhã và Vinh sơn đã chết tử vì đạo thời chúa Nguyễn Phúc Lan ngày 22 tháng 6 năm 1646, chung qui cũng chỉ do lòng thù ghét của một người đàn bà nhân tình nhân nghĩa của Phúc Lan. Trong Hành Trình và Truyền Giáo, Đắc Lộ viết về cái chết vinh quang của hai thầy. Còn Saccano là người tới Đàng Trong sau khi Đắc Lộ về Macao, nói tới cuộc tử đạo của hai người trong cuốn Tường Trình về Xứ Đàng Trong xuất bản tại Paris năm 1653. Saccano dành hai chương nói tóm tắt về cuộc đời thầy giảng Inhã và thầy giảng Vinh sơn. Bản tường trình được viết tại Đàng Trong năm 1646.

Như vậy là vào thời Nguyễn Phúc Lan ở Đàng Trong đã có ba thầy giảng chịu chết vì đạo: Anrê (Phú Yên), Inhã (Vinh Nghệ Tĩnh) và Vinh sơn (Quảng Ngãi).

Tổ chức các thầy giảng được duy trì mãi cho tới năm 1954 là năm có cuộc di cư lớn lao làm xáo trộn các qui chế đạo./.

*Tác giả Nguyễn Khắc Xuyên*

<http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=44&ict=832>

## VỀ MỤC LỤC

# HỘI NHẬP VĂN HÓA - CỬ HÀNH BÍ TÍCH Ở VIỆT NAM XƯA / Gs. Vũ Kim Chính, S.J

Vào thời điểm ông Kha Luân Bố lần đầu tiên đặt chân lên đảo Watling (phía Bắc không cách xa Cuba ngày nay bao nhiêu), tức là bắt đầu khám phá ra Châu Mỹ ngày 12-10-1492, thì khoảng cách giữa các dân tộc trên mỗi Châu và các Châu với nhau, còn rất là xa lạ ! Mấy chục năm sau, 1521, khi nhà thám hiểm Magalhaes tới đất Philipin, và đoàn thám hiểm của ông trở thành đám người thứ nhất của nhân loại đi vòng quanh quả địa cầu từ hướng Tây sang Đông, thì "như hai đầu được nối lại với nhau" thành một vòng tròn. Từ đó trở đi, trái đất của chúng ta được "bó tròn lại" và các dân tộc thế giới, các sự vật. ... coi như trở thành "một gói".

Các nhà thám hiểm Âu Châu, cụ thể của hai đế quốc Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, cứ theo cái đà đó, mỗi ngày mở rộng tầm hoạt động và tầm nhìn rộng lớn hơn. Đến khi ông Tasman đi vòng quanh xa xa nước Úc ngày nay và dừng chân tại Tasmania (1642-1644), nhất là khi hai nhà thám hiểm Bougainville (1768) và Cook (1770) hoàn toàn vòng quanh sát đất Úc, thì coi như họ đã hiểu được Úc là Châu thứ năm của thế giới.

Vậy là từ ngày khám phá ra Mỹ Châu và Úc Châu, người ta mới biết được trên quả địa cầu của chúng ta có tới 5 lục địa, chứ không phải là ba : Âu Phi, Á.

Nhờ những khám phá mới này, Giáo Hội Roma cũng mở rộng tầm nhìn ra thế giới, không phải là thế giới mặt bằng, mà là một trái đất tròn, một địa cầu xoay quanh mặt trời. Nhất là từ năm 1622 khi thành lập Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin, Giáo Hội càng say sưa với nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng do Chúa trao phó. Đạo Chúa bây giờ không phải chỉ hạn hẹp trong mấy vùng Tây Âu, Đông Âu, Trung Đông và Bắc Phi.

## I- CÁI THỜI TA - TÂY CÒN RẤT XA LẠ

Lúc Tin Mừng bắt đầu vào Việt Nam qua những giai đoạn năm 1523, 1533, 1590 và cụ thể nhất, rõ ràng nhất là từ 18-1-1615, thì giữa Ta và Tây vẫn còn xa cách nhau : Xa về địa lý, xa về con người, xa về ngôn ngữ, phong tục, tôn giáo, v.v. ...

Vâng, đầu thế kỷ 17, một vị thừa sai Âu Châu muốn tới được nước Đại Việt, cũng phải mất một năm trời với bao nhiêu nguy hiểm, cực khổ. Tới nơi được rồi, thì hàng rào ngôn ngữ càng cản trở trong việc giao tiếp. Đàng khác, những phong tục, luật lệ, cùng Tam giáo và các thứ tín ngưỡng dân gian, chẳng có mấy điểm giống với giáo lý Kitô giáo cũng như cơ cấu tổ chức của Giáo Hội Rôma rất là Tây Phương !

Thật là xa lạ khi các vị thừa sai bắt đầu chạm đến đất nước Đại Việt thời đó, cũng quen được gọi là An Nam, bị phân chia làm ba nước : Đàng Trên(1), Đàng Ngoài và Đàng Trong. Đất nước nhỏ bé này ăn từ Lạng Sơn đến khoảng Phú Yên, coi có vẻ đơn giản, nhưng thực ra rất phức tạp, ít nhất đối với những ông dương nhân hồi đó, ví dụ :

Kiến trúc : Khác với những ngôi nhà to lớn đồ sộ được xây cất bằng gạch đá ở Châu Âu, ngôi nhà ở Việt Nam quả là bé nhỏ, tạm bợ; vì chỉ được làm bằng gỗ, vách đất, mái nhà dân lợp bồi, rạ. Thói quen dân ta thời đó không xây nhà bằng đá, gạch, cũng chẳng làm nhà tầng. Ngay đến đình, chùa và hoàng thành



cũng không làm nhà tầng, tường thì ghép gỗ ván, mặc dầu bên trong sơn son thiếp vàng, chạm trổ tinh vi. Một trận bão lớn đủ cho bay tất cả.

Ngôn ngữ : Tiếng nói, chữ viết lại càng khác lạ với tiếng nói của Châu Âu, làm cho không ít nhà thừa sai buổi đầu gần như thất vọng vì nghĩ sẽ không bao giờ học được tiếng Việt(2). Đến như mấy nhà thừa sai Borri, Đắc Lộ (A de Rhodes), Marini, Tissanier cũng phải ngán ngẩm khi bắt đầu nghe người Việt nói chuyện với nhau, bởi vì họ cho là thứ tiếng âm nhạc, nghe ríu rít như chim hót(3).

Phong tục : Các phong tục, lễ thói cũng hoàn toàn khác với Tây :

- Ăn uống : Gạo là lương thực cơ bản, khác với lúa mì ở Châu Âu. Nhất là cách dọn bữa ăn, cách ăn và lịch sự trong bữa ăn, bữa tiệc, cũng chẳng giống tí nào với Tây. Nguyên một việc cầm đôi đũa và cơm vào miệng cũng đủ làm cho các ông Tây phải bỡ ngỡ. Cho nên, đã có ông viết là người Việt đưa cơm từ chén vào miệng như là "cơm nhảy vào miệng"(4) ! Có ông còn phải ca tụng rằng, người sang trọng quý phái của cái xứ Con Rồng Cháu Tiên này, dùng bữa sạch sẽ hơn người Âu Châu nhiều, vì chẳng khi nào phải nhờ đến "quân năm ngón" đụng vào thức ăn, cũng chẳng bao giờ mút đũa như Tây mút muỗng nữa. .. Lại còn cái tục ăn trâu của người Đại Việt !

-Giao tế : Rất là chi li, tỉ mỉ, khiêm tốn. Cấp dưới mỗi khi đến với cấp trên, đặc biệt trong các dịp lễ lạy, không thể nào thiếu món lễ đi kèm(5). Có thừa sai đã phải thốt lên : Đó là văn minh! Ai cho, tặng thì phải nhận. Nếu người trên không nhận của kẻ dưới, thì bị hiểu là khinh chê kẻ dưới; kẻ dưới không nhận quà của người trên ban, bị hiểu là xúc phạm(6).

Nằm ngủ cũng khác kiểu Tây. Ngồi thì thường đại đa số dân ngồi trên chiếu trải đất, hay trên giường, trên phản (chân sắp bằng tròn); và cỡ nhà quyền quý mới ngồi ghế.

-Tôn giáo : Với ba tôn giáo lớn ở Việt Nam, tuy có phân biệt rõ ràng, Khổng, Phật, Lão, nhưng trong mỗi người dân, xem ra ba tôn giáo vẫn sống hài hoà với nhau, không loại trừ nhau hoàn toàn. Dù từ thời vua Lê, Chúa Trịnh - Nguyễn, đôi khi chính quyền coi thường Phật, Lão giáo, rất mực đề cao Nho giáo, nhưng trong dân chúng, người ta vẫn sống được cái thuyết tam giáo đồng nguyên xuất phát từ đời nhà Trần. Đến khi Tin Mừng vào Việt Nam, theo lối truyền giáo thời ấy, thì Tin Mừng, hay nói cụ thể là đạo Công giáo Rôma muốn loại trừ Tam giáo, không cho chung sống trong tâm hồn và nếp sống của một giáo hữu, cũng chỉ vì "phân rỗi các linh hồn". Quả là rắc rối ! Thời đó làm gì đã có được tinh thần đối thoại, gặp gỡ giữa Công giáo với các tôn giáo khác như ngày nay.

## II- HỘI NHẬP TRONG VIỆC CỬ HÀNH BÍ TÍCH

Đứng trước những xa lạ, khác biệt giữa Ta Tây trên đây, một số vị thừa sai cố gắng thích nghi(7), mà ngày nay chúng ta còn nâng cao hơn bằng cụm từ hội nhập văn hoá. Phải thích nghi để "Đức Giêsu Rôma", trở nên "Đức Giêsu Việt Nam", để người ngoài Giáo Hội đừng nghĩ rằng đạo Chúa là đạo vô luân, gian tà, mê tín, huỷ hoại phong tục, luân thường đất nước, như nhiều chỉ dụ cấm đạo đã gán cho(8).

Nguyên nhân cử hành các bí tích, nhiều thừa sai không áp dụng nguyên si "Sách các phép Rôma" (Rituale Romanum), vì nhiều cử chỉ, biểu tượng chẳng những không hợp mà có khi còn xúc phạm đến phong hoá đất Việt.

- Rửa tội : Xức dầu thánh đơn sơ, hoặc bỏ xức dầu hoàn toàn, không cho ăn muối, không hà hơn, không xức nước bọt(9). Vì người được rửa tội là người lớn, nhất là phụ nữ, càng phải giữ luật lệ "nam nữ thọ thọ bất thân", một luật rất nghiêm ngặt của bộ Luật Hồng Đức từ cuối thế kỷ thứ 15.- Thánh lễ : Cử hành bằng tiếng Việt, ngoại trừ Lời Truyền Phép bằng Latinh. Đặc ân này Toà Thánh ban cho Giáo Hội Trung Hoa từ 1615, theo lời thỉnh cầu của cha Trigault(10). Riêng tại Việt Nam, năm 1659 Toà thánh ban phép cho hai giám mục đầu tiên được truyền chức linh mục cho người địa phương không biết Latinh. Đến năm 1665, Toà thánh kéo dài thời gian hưởng đặc ân này thêm 7 năm nữa. Thật ra, trong số các linh mục Việt Nam đầu tiên giữa thế kỷ 17, cũng có vài vị đọc Lời Truyền Phép sai, thay vì : Hoc est enim corpus

meum (Này là mình Thầy) thì đọc Hoc est enim porcus, corvus meum (Này là con heo, con qua Thầy)(11).

Trong Thánh Lễ, các linh mục ở Việt Nam vẫn được đội khăn, hoặc mũ bình thiên, trong khi nghi lễ Rôma chỉ cho đội mũ lễ (barrette) từ phòng áo lễ tới bàn thờ, còn chính lúc dâng lễ phải bỏ mũ. Theo phong tục Việt Nam, người dưới đến trước mặt cấp trên không được để đầu trần, dân phải đội khăn, quan phải đội mũ, vậy khi đi nhà thờ, cũng như linh mục tế lễ Chúa, phải đội mũ, đội khăn.

- Giải tội : Rắc rối to với tục "nam nữ thọ thọ bất thân" ! Giải tội cho nam giới thì không sao; nhưng các cô các bà, nhất là những bà xung tội lâu, làm cho người ngoài không hiểu biết gì về đạo, dễ nghi ngờ nói chuyện riêng tư mờ ám, Vì thế, có khi cha Đắc Lộ (ở Đàng Ngoài từ 1627-1630) phải ngồi nhà bên này, người xung tội phải quỳ ở nhà bên kia, chọc thủng bức vách chung giữa hai nhà để cử hành bí tích(12). Về lời xá giải (absolutio) cũng chỉ đọc phần cốt yếu và đọc rất nhỏ, để người ngoài khỏi cho là đọc thần chú, phù phép.

- Hôn nhân : Trong xã hội Việt Nam, "đám cưới", "đám ma" có rất nhiều nghi lễ. Các bí tích khác không có ở dân ta, nhưng hôn nhân thì đã xuất hiện từ xưa xưa, với nhiều hình thức, mà người ta có thể cho là câu nệ, rườm rà. .. Giữa cái mở bong bong nghi thức đó, các thừa sai phải tổ chức cử hành bí tích này thế nào ?

Sau những lễ xem mặt, chạm ngõ, ăn hỏi, dẫn cưới (thách cưới) là đến lễ rước dâu (nginh hôn) về nhà chồng, lễ gia tiên, lạy cha mẹ, lễ tơ hồng, lễ tảo quân rồi vào tiệc cưới. Đó là thứ tự tổng quát nghi lễ cưới xin của người Việt.

Vậy, một số thừa sai có khi không chứng hôn trong Thánh Lễ, mà cử hành lễ hôn nhân tại nhà trai, sau khi rước dâu về nhà chồng. Vừa về tới nhà chồng, linh mục làm lễ chứng hôn trước bàn thờ Chúa : Cô dâu chú rể đứng hai bên, linh mục đứng giữa; sau khi cô dâu chú rể nói lên lời ưng thuận tự do lấy nhau làm vợ chồng, trung thành đến chết, như nghi thức Giáo Hội, thì linh mục trao cho cô dâu chú rể mỗi người một miếng trầu, vì trầu là biểu tượng sự yêu thương, kính trọng nhau, trung tín cùng là sự ưng thuận (đồng ý, hoà hợp)(13). Nghi thức này thay lễ tơ hồng (Ông Tơ Bà Nguyệt); tiếp đến mới làm lễ gia tiên và các lễ khác hoàn toàn theo phong tục Việt Nam. Ngoài việc cử hành bí tích được thích nghi phần nào với xã hội Việt, còn nhiều thích nghi khác như việc ăn chay kiêng thịt, nhất là nghi lễ tôn kính tổ tiên (chúng tôi không bàn ở đây vì dài) hoặc việc dịch các danh từ Công giáo, nếu chưa dịch được thì phiên âm hầu hết từ tiếng Bồ Đào Nha, ví dụ : Vítvô (Bispo : Giám mục), Ighêrêgia (Igreja : Giáo Hội), Conphirmasong (Communhão : Rước lễ), Contrisong (Contrição : Ăn năn tội cách trọn) v.v....

Nhắc lại những vấn đề, những việc thời xưa trong Giáo Hội Việt Nam, không phải để ngày nay chúng ta bắt chước nguyên si. Nhưng để thấy được rằng, cha ông ta thời xưa cũng đã nỗ lực "hội nhập văn hoá", đã dám "thích nghi với phong tục, truyền thống và đặc tính của dân tộc" mà Công Đồng Vatican II sau này nhắc đến(14). Phải nói là, các đảng đã đi trước Công Đồng Vatican II về mặt "hội nhập" tới 300 năm ! Tiếc rằng việc hội nhập trên đây chỉ được gần 100 năm, thì bị phản đối âm ỉ do những thừa sai không chấp nhận, rồi đến Tòa Thánh Rôma cũng cấm, nhất là từ khi công bố hai Hiến Chế Exilla die ngày 19-3-1715 và Ex quo singulari ngày 11-7-1742.

Thế giới ngày nay mỗi ngày thay hình đổi dạng mau lẹ hơn, Đông - Tây tuy còn nhiều khác biệt và đang xích lại gần nhau hơn. nhưng Đông vẫn là Đông, Tây vẫn là Tây ! Còn nhiều việc phải làm để hội nhập, tái hội nhập ! Làm thế nào đây ?

Thượng Hội Đồng Giám Mục Á Châu vừa qua đã phải thét lên : Bộ mặt Giáo Hội Á Châu còn Tây quá !!!

## **CHÚ THÍCH**

1. Gaspar d'AMARAL, Anua do reino de Annam do anno de 1632, trong Archivum Romanum Societatis Iesu, JS.85, tờ 125 mtr.
2. A. de RHODES, Divers voyages et missions, Paris, 1653, tr.72.
3. Gio. Filippo de MARINI, Delle missioni, Roma, 1663, tr.95. - C.BORRI, Relation de la nouvelle mission des Peres de la Compagnie de J'esus au Royaume de la Cochinchine, Lille, 1631, tr. 73-74. - J. TISSANIER, Relation du P. Joseph Tissanier de la Compagnie de J'esus, Paris, 1663, tr.200.
4. Gio. Filippo de MARINI, Relation nouvelle et curieuse des Royaumes de Tunquin et de Lao, Paris, 1666, tr.178.
5. A.LAUNAY, Histoire de la mission du Tonkin, I, Paris, 1927, tr.29-30.
6. Cha Guérard, M.E.P., viết thư từ Đàng Ngoài ngày 21-4-1793 cho em ruột ở Pháp, trong lettres édifiantes, T.VII, Paris, 1823, tr.195-196.
7. ĐỖ QUANG CHÍNH, Sống trong xã hội Con Rồng Cháu Tiên, Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 484-536. -P. -Fr. FAVRE, Lettres édifiantes et curieuses sur la Visite apostolique de M. De la-Baume évêque d'Halicarnasse, à la Cochinchine en l'année 1740, Venise, 1746, tr. 125-138.
8. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, T.IV, bản dịch, Hà Nội, 1968, tr. 298. -A. LAUNAY, Histoire de la mission du Tonkin, I, Paris, 1927, tr 65-67, 542-543.
9. A. LAUNAY, Histoire de la mission de Cochinchine, I, Paris, 1923, tr.17. -A. LAUNAY, Histoire de la mission du Tonkin, I, Paris, 1927, tr.30.
10. Nicolas TRIGAULT, De christiana expeditione apud Sinas, Roma, 1615.
11. E. FERREYRA, Provincia do Reino de Tunkim chamada Nghêân, thư viết từ Đàng Ngoài 3-10-1676, ARSI, JS. 80, tờ 353-372.
12. A. de RHODES, Histoire du Royaume de Tunkin, Lyon, 1651, tr. 246-247.
13. A. LAUNAY, Histoire de la mission du Tonkin, I, sdd., tr. 76, 332.
14. Hiến Chế Phụng Vụ, số 37-40.  
trích vietcatholic

**Tác giả Vũ Kim Chính, Lm**

<http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=95&ia=1578>

**Về Mục Lục**

## THƯỜNG XUYÊN : ĐỨC TIN & VĂN HÓA

### **Hội nghị của Ủy ban Mục vụ Giới trẻ**

**(Cập nhật: 25/02/2009 13:13:02)**

HẢI PHÒNG - Ngày 19 tháng 02 năm 2009, Đức Cha Giuse Vũ Văn Thiên, Giám mục giáo phận Hải Phòng, chủ tịch Ủy ban Mục vụ Giới trẻ trực thuộc HĐGMVN, đã tổ chức Hội nghị Các Linh mục Đặc trách Mục vụ Giới trẻ của 26 giáo phận tại Tòa giám mục Hải Phòng.

Trong tinh thần hướng về Năm Thánh 2010, Ủy Ban MVGT đã thảo luận bài viết về 50 năm hành trình niềm tin người trẻ Việt Nam: “Giới trẻ hôm qua, hôm nay và ngày mai.” Các tham dự viên đã biểu quyết bản soạn thảo nội quy của Ủy ban để trình HĐGM trong phiên họp sắp tới.

Linh mục Tổng thư ký tổng kết và rút kinh nghiệm về việc tham dự Ngày Giới trẻ Thế giới 2008 tại Sydney, đồng thời hướng về Ngày Giới trẻ Thế giới 2011 tại Madrid với các chủ đề:

- Năm 2009: “Chúng ta đặt niềm hy vọng nơi Thiên Chúa Hằng Sống”
- Năm 2010: “Lạy Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sống đời đời?”
- Năm 2011: “Được thiết lập và ăn rễ sâu nơi Đức Kitô, chúng ta hãy kiên vững trong đức tin”

Đại diện các giáo phận đã cho biết hoạt động giới trẻ của giáo phận mình để chuẩn bị bản phúc trình cho Tòa Thánh dịp Ad limina vào tháng 6 năm 2009. Các đề tài giáo dục người trẻ sống đức tin được trình bày với bản khảo sát về nhu cầu đức tin của người trẻ trước những thách thức của thời đại mới. Tất cả tham dự viên cũng đã đồng thuận về việc tổ chức Ngày Giới trẻ Công giáo toàn quốc nhân dịp Năm thánh 2010.

Nhân dịp này, Đức cha Chủ tịch thông tin thêm về Taizé, Ngày Giới trẻ Châu Á, Ngày Gặp gỡ tại Roma, Manila và Thái lan.

Hội nghị kết thúc sau chuyến tham quan núi Yên Tử, tạo tình thân cho các tham dự viên.

**Gioan**

(Ngu ồn : <http://v3.hdgmvietnam.org/Default.aspx?tabid=61&ctl=ViewNewsDetail&mid=382&NewsPK=1413>)

**Về Mục Lục**

## **Ủy ban Giáo lý Đức Tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam có Tổng Thư ký mới**

(Cập nhật: 22/02/2009 21:30:34)

WHĐ (22.02.2009) - Ngày 19-02-2009, tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo phận TPHCM đã diễn ra cuộc họp thường kỳ của Ủy Ban Giáo lý Đức tin (UBGLĐT) trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam.

Cuộc họp do Đức cha Phaolô Bùi Văn Đọc, Chủ tịch UBGLĐT chủ trì cùng với Đức Cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm, Tổng Thư Ký, Đức Cha Stêphanô Tri Bửu Thiên và các linh mục thành viên của UBGLĐT.

Cuộc họp này diễn ra trong khuôn khổ những sinh hoạt thường lệ của UBGLĐT.

Trước hết, các tổ của UBGLĐT tường trình về những hoạt động và trình bày dự kiến về những công tác trong thời gian tới.

Cha Phêrô Nguyễn Hữu Lai, thay mặt Tổ *Soạn thảo Từ Vựng Công Giáo*, báo cáo về những gặt hái bước đầu trong việc biên soạn công trình *Từ Vựng Công Giáo*, đồng thời cũng đã tiếp thu ý kiến đề nghị Ban Biên Soạn giới thiệu vài mẫu định nghĩa đã hoàn thành, để các cộng tác viên và các vị tham gia biên soạn có thể tham khảo.

Cha Phêrô Nguyễn Văn Ninh, đại diện cho Tổ Giáo lý tường trình về hoạt động nổi bật của tổ trong thời gian qua là tổ chức thành công Đại hội Giáo lý Toàn quốc lần II tại Trung tâm Mục vụ Giáo phận Mỹ Tho. Một thành viên khác của Tổ, cha Phêrô Nguyễn Văn Hiền, đã trình bày bổ sung về mối quan tâm của nhiều thành phần dân Chúa đến việc huấn giáo, đặc biệt bản đúc kết Đại Hội Giáo Lý Toàn Quốc tại Trung Tâm Mục Vụ Giáo Phận Mỹ Tho đã thúc đẩy giáo dân muốn được góp phần tích cực vào công việc quan trọng này.

Phần tường trình của Tổ Thần học do Đức Cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm đảm nhận. Đức cha cho biết Tổ đã thực hiện được hai cuộc hội thảo chuyên đề (*Spe Salvi* và *Humanae vitae*), soạn thảo Đề Cương Năm Thánh 2010 và đã tiến hành dịch thuật được gần 30 đầu sách đã đăng ký. Đức cha cũng thông tin về trang web của HĐGMVN đang được chỉnh sửa, nâng cấp, để tạo “không gian truyền thông” cho các Ủy ban trực thuộc HĐGMVN, trong đó có UBGLĐT.

Sau phần tường trình, các tham dự viên đã thảo luận những vấn đề chuyên môn theo từng tổ.

Đúc kết cuộc họp, UBGLĐT đã xác định những công việc chuyên môn cần được hoàn thành trong thời gian tới.

Theo đó, Tổ Thần học sẽ hoàn tất việc chỉnh sửa bản dịch các văn kiện của Công Đồng Vaticanô II và 14 thông điệp của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, để nếu có thể sẽ xuất bản vào dịp Năm Thánh 2010.

Ngoài ra Đức Cha Chủ Tịch yêu cầu soạn thảo một bản phúc trình cho Toà Thánh dịp *Ad limina* tháng 6-2009 sắp tới. Nội dung bản phúc trình là tóm tắt các hoạt động đã thực hiện của UBGLĐT trong 5 năm qua, trình bày vấn đề về bản nội quy của UBGLĐT, trình bày những thuận lợi và khó khăn, nhận định và nêu lên những định hướng hoạt động trong tương lai của UBGLĐT, đặc biệt chú ý đến hoàn cảnh Giáo hội tại Việt Nam. Với đường hướng nêu trên, nhóm biên soạn Đề Cương Năm Thánh 2010 (gồm Đức Cha Phêrô, cha Giuse Nguyễn Văn Am, cha Phaolô Vũ Chí Hỷ, cha Antôn Hà Văn Minh, cha Emmanuel Nguyễn Hồng Sơn) đã được chỉ định soạn bản phúc trình của UBGLĐT.

Về công tác của Tổ Giáo Lý, cha Giuse Bùi Văn Hoàng đã trình bày công việc chỉnh sửa bản tiếng Việt của Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo trong gần 2 năm qua, dựa trên bản góp ý của Toà Thánh. Công việc cơ bản đã xong, nhưng còn phải hoàn hảo hơn để kịp cho Đức Cha Chủ Tịch trình lên Toà Thánh dịp *Ad limina* sắp tới. Công tác đầy khó khăn và vất vả này đã được Quý Cha trong UBGLĐT nhiệt tình khích lệ.

Cũng trong cuộc họp này, các thành viên UBGLĐT đã đồng thuận với Đức cha Chủ tịch chọn cha Phêrô Nguyễn Văn Hiền, Phó Giám đốc Trung tâm Mục vụ TGP TPHCM, làm Tổng thư ký của UBGLĐT, thay cho Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm vừa nhận trọng trách Giám mục Phụ tá TGP TPHCM.

Cha tân Tổng thư ký nhận nhiệm vụ mới, nói lên lời cảm ơn sự tín nhiệm của Đức cha Chủ tịch, quý Đức cha và quý cha, đồng thời hứa cố gắng đẩy mạnh hoạt động của Tổ Giáo Lý, nhưng không quên tầm quan trọng của các hoạt động của Tổ Thần học nhằm phục vụ Hội Thánh tại Việt Nam.

Cuộc họp đã kết thúc vào buổi trưa cùng ngày.

Nguồn : <http://v3.hdgmvietnam.org/Default.aspx?tabid=61&ctl=ViewNewsDetail&mid=382&NewsPK=1403>

## Về Mục Lục

### **Sinh hoạt của Ủy ban Giáo dân**

(Cập nhật: 16/02/2009 13:02:54)

Tiếp theo buổi họp ngày 9-1-2009 tại giáo xứ Thánh Tổng Viêt Bường (giáo hạt Phú Thọ, Tổng giáo phận TP. HCM) do Đức cha Giuse Trần Xuân Tiêu – Chủ tịch Ủy ban Giáo dân trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam – chủ trì, cha Tổng Thư ký Giuse Tạ Huy Hoàng thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt vào tối thứ Năm hằng tuần.

Các buổi sinh hoạt này quy tụ khoảng 20 tham dự viên, mục đích tạo mối dây liên lạc gắn bó thân tình, thúc đẩy và gia tăng sự hợp tác trong thi hành nhiệm vụ.

Trước mắt, nhiệm vụ của Ủy ban là chuẩn bị tổ chức phiên họp toàn quốc của Ủy ban Giáo dân (tháng 4/2009) và góp ý thực hiện bài viết về “Vai trò của người giáo dân trong Giáo hội Việt Nam 50 năm qua.”

Nguồn : <http://v3.hdgmvietnam.org/Default.aspx?tabid=61&ctl=ViewNewsDetail&mid=382&NewsPK=1379>

## Về Mục Lục

### **Cùng bạn đọc BẢN TIN DỪNG LẠC / Trần Văn Cảnh**

Sau một năm hiện hữu và phục vụ, Bản Tin Dừng Lạc xin gửi đến bạn đọc đôi lời tâm tình, trước là để cảm ơn bạn đọc đã tiếp đón với vòng tay văn hóa mở to và với trái tim tin yêu hy vọng ; rồi để nhìn lại với bạn đọc đường hướng và chặng đường mà chúng ta đã đồng hành ; và sau là để nói trước về quãng đường sẽ đi chung và đặc biệt là để bày tỏ một ước muốn được bạn đọc xây dựng và cộng tác một cách trực tiếp hơn.

#### **1. Đường hướng chung của BẢN TIN DỪNG LẠC**

Trong số ra mắt ngày 01 tháng 01 năm 2008, Bản Tin Dừng Lạc đã gửi đến bạn đọc những lời sau : « Dừng Lạc là một mạng lưới VĂN HOÁ CÔNG GIÁO, góp mặt xây dựng VĂN HOÁ VIỆT NAM từ 2005”.



Được sự cộng tác của nhiều văn hữu và sự tiếp đón nồng hậu và sự khuyến khích nhiệt tình của nhiều độc giả, Mạng lưới Dũng Lạc muốn đáp lại sự tiếp đón và sự khích lệ ấy bằng cách cho ấn hành dưới dạng báo điện tử **BẢN TIN DŨNG LẠC**.

Mục đích của **BẢN TIN DŨNG LẠC** là tạo ra một mảnh đất để nhiều người có thể góp mặt cùng xây gia trang Văn Hoá Công Giáo Việt Nam. Người viết thì cung cấp những luận cứ vững chắc dựa trên Tin Mừng Đức Kytô, truyền thống văn hoá Việt Nam và ánh sáng khách quan khoa học. Người đọc thì tiếp thu, phổ biến (1) và phản ứng về những bài đã được đăng tải và đưa ra những đề nghị hầu cải tiến liên tục.

Trong đường hướng ấy, nội dung chủ yếu của **BẢN TIN DŨNG LẠC** sẽ xoay quanh chủ đề chính là **VĂN HOÁ** và **ĐỨC TIN**. Qua chủ đề này, Bản Tin Dũng Lạc, nguyệt san điện tử, sẽ gắng đến với độc giả việt nam, càng nhiều càng hay để cùng nhau chia sẻ những kiến thức, trao đổi những ứng xử hầu tạo ra một hướng đi chung trên con đường văn hoá dân tộc và văn hoá kytô. **BẢN TIN DŨNG LẠC** sẽ đề cập thường xuyên đến Văn hoá Công Giáo qua sáu chuyên mục thường xuyên sau đây :

1. **Cùng xem** văn hoá thế giới ngày nay
2. **Cùng nghe** lời dạy của Giáo Hội
3. **Cùng làm** bốn phận văn hóa kitô hữu
4. **Cùng đọc** văn học công giáo việt nam
5. **Cùng tìm** những nghiên cứu văn hoá công giáo việt nam và
6. **Cùng sống** cuộc sống đức tin của người việt nam ».

## **2. Những chủ đề **BẢN TIN DŨNG LẠC** đã thực hiện trong năm 2008.**

Trong năm 2008, qua 8 lần xuất hiện, 10 số Bản Tin Dũng Lạc đã được phổ biến, mà bạn đọc có thể tìm đọc lại trên mạng lưới Dũng Lạc qua địa chỉ này

<http://www.dunglac.org/index.php?m=home&v=subject&is=26>.

### **Những chủ đề sau đây đã được thực hiện :**

1. Số 1\_010108 : Số ra mắt, lời chào Văn hóa Đức tin
2. Số 2\_010208 : Số đặc biệt về NGÀY HỌP MẶT ĐỒNG XANH THỎ, Mạng lưới Dũng Lạc tại Phan Thiết, ngày 20.01.2008
3. Số 3\_010308 : Giáo dục công giáo việt nam
4. Số 4\_010408 : Số đặc biệt về Đêm thơ « KINH TRONG SUỐNG » tại Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 28.03.2008
5. Số 5\_010508 : Truyền thông
6. Số 6\_010608 : Kiến trúc Công giáo
7. Số 7 & 8\_011108 : Số đặc biệt về Buổi Hội Thảo “Chuyển Đạt Tin Mừng Qua Văn Hóa và Văn Học Nghệ Thuật” tại Boston College vào tháng 10 năm 2008
8. Số 9 & 10\_011208 : Năm Thánh cùng Đại Hội Dân Chúa Việt Nam 2010

## **3. Những chủ đề **BẢN TIN DŨNG LẠC** dự định sẽ đề cập trong năm 2009**

Cho năm 2009, Bản Tin Dũng Lạc muốn hòa nhịp với Giáo Hội Việt Nam và đi theo hướng đi mà Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã vạch ra để chuẩn bị Năm Thánh 2010 là « nhìn lại quãng đường lịch sử gần 500 năm truyền giáo qua 3 thời kỳ lịch sử của Giáo Hội Việt Nam : 126 năm Bảo Hộ (1533-1659), 300 năm Tông Tòa (1659-1960), và 50 năm Chánh Tòa (1960-2010) ».

Nhìn lại những việc quan trọng mà Giáo Hội đã thực hiện được ở Việt nam trong hai thời kỳ Bảo Hộ và Tông Tòa, Bản Tin Dũng Lạc đã phác thảo một dự án định hướng làm việc. Qua định hướng này, 10 đề tài sẽ được trình bày : bốn cho thời kỳ Bảo Hộ và sáu cho thời kỳ Tông Tòa.

1. Số 11\_010109 : Giáo Hội Việt Nam thời BẢO HỘ 1533-1659.
2. Số 12\_010209 : Thành lập các Cộng Đoàn Công giáo đầu tiên tại Việt Nam THỜI BẢO HỘ 1533-1659
3. Số 13\_010309 : Công giáo hội nhập vào xã hội việt nam

4. Số 14\_010409 : Công giáo khai sinh chữ quốc ngữ và văn học công giáo việt nam
5. Số 15\_010509 : Giáo Hội Việt Nam thời TỔNG TÒA 1659-1960
6. Số 16\_010609 : Thành lập các giáo phận tông tòa
7. Số 17\_010909 : Thành lập hàng giáo sĩ và tu sĩ việt nam
8. Số 18\_011009 : Làm chứng cho đức tin với các thánh tử đạo
9. Số 19\_011109 : Đóng góp và xây dựng văn hóa việt nam
10. Số 20\_011209 : Đóng góp và xây dựng xã hội việt nam

Cho năm 2010, Bản Tin Dững Lạc sẽ đặc biệt đề cập đến những đề tài liên quan đến Giáo Hội Việt Nam trong thời kỳ CHÍNH TÒA 1960-2010.

#### **4. Mong muốn của BẢN TIN DỮNG LẠC được bạn đọc tích cực và trực tiếp cộng tác**

Cho 10 chủ đề sẽ được trình bày trong năm 2009 vừa nêu trên đây, nhiều bạn đọc có những thông tin, những tài liệu và những hình ảnh liên hệ. Bản Tin Dững Lạc ước mong được các bạn đọc này chỉ dẫn và giúp đỡ. Nhờ những thông tin, tài liệu, hình ảnh mà quý ban đọc sẽ gửi cho, Bản Tin Dững Lạc sẽ trở thành thực tế hơn, cụ thể hơn và phong phú hơn. Mong thay

Ngày 01 tháng 02 năm 2009

**Trần Văn Cảnh**

#### **Ghi chú :**

(1). Mọi người đều có thể tự do phổ biến tất cả những bài trong BẢN TIN DỮNG LẠC, nhưng xin đề rõ xuất xứ.

#### **Về Mục Lục**